

**CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
QUẢNG NGÃI (RUDEP) - GIAI ĐOẠN 2**

**Đánh giá tác động môi trường - xã hội  
và Kế hoạch quản lý môi trường:**

*Quy trình giao đất lâm nghiệp có sự tham gia*



**VIETNAM-AUSTRALIA**

*Tài liệu soạn cho:*

**AusAID**

Đại sứ quán Ô-x-trây-li-a  
8 Phố Đào Tân  
Quận Ba Đình,  
Hà Nội, VIỆT NAM

Ngày 20 September 2006

42443858

*Bên soạn thảo*

URS Sustainable Development  
in association with Kellogg Brown & Root and  
World Wide Project Management Services  
Project Managers and Consultants  
Adelaide Australia

## **CƠ QUAN TÀI TRỢ**

### **AusAID**

Đại sứ quán Ô-x-trây-li-a

Số 8 Đào Tân, Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

Ph: +84 4 8317754/Ext 175 (Cán bộ dự án), Fax: +84 4 8317711

## **CƠ QUAN ĐỐI TÁC CHÍNH**

### **Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Quảng Ngãi**

96 Đường Nguyễn Nghiêm, Thành phố Quảng Ngãi

Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Ph: +84 55 825701

## **BAN QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH**

37 Phạm Văn Đồng, Thành phố Quảng Ngãi

Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Ph: +84 55 816265-6, Fax: +84 55 816260

## **NHÀ THẦU QUẢN LÝ ÔX-TRÂY-LIA**

### **URS Sustainable Development**

25 North Terrace

Hackney SA 5069

Ph: +61 8 8366 1000, Fax: +61 8 8366 1001

Giám đốc dự án: ..... URS Australia Pty Ltd  
Dee Hartvigsen 25 North Terrace, Hackney  
Giám đốc phụ trách các Dự án South Australia 5069 Australia  
quốc tế Tel: 61 8 8366 1000  
Fax: 61 8 8366 1001

Giám đốc .....  
Chương trình: Ted A' Bear  
Phó Chủ tịch  
Phát triển bền vững

Ngày: 20 September 2006  
Số dẫn chiếu: 42443858  
Văn bản: Chính thức

---

# MỤC LỤC

<b>TỪ VIẾT TẮT</b>	<b>iv</b>
<b>Tổng quát</b>	<b>vi</b>
<b>1 Mở đầu</b>	<b>9</b>
<b>2 Giải trình</b>	<b>10</b>
2.1 Địa lý và nhân khẩu .....	10
2.2 Đất lâm nghiệp tại tỉnh Quảng Ngãi .....	11
2.3 Cách tiếp cận giao đất lâm nghiệp hiện thời tại Quảng Ngãi .....	12
<b>3 Giao đất lâm nghiệp có sự tham gia - GĐLNCSTG</b>	<b>14</b>
3.1 Nguyên tắc .....	14
3.2 Các bước thực hiện .....	14
<b>4 Đánh giá tác động Môi trường và Xã hội</b>	<b>15</b>
4.1 Tổng quan .....	15
4.2 Phương pháp .....	15
4.3 Các Khung đánh giá và Quản lý rủi ro .....	16
<b>5 Kết quả ĐGTĐMT&amp;XH</b>	<b>17</b>
5.1 Đánh giá tác động XH .....	17
5.2 Đánh giá tác động đến tính bền vững thể chế .....	18
5.3 Đánh giá tác động môi trường .....	20
<b>6 Những phát hiện chính trong ĐGTĐMT&amp;XH đối với GĐLNCSTG</b>	<b>26</b>
<b>7 Kế hoạch Quản lý Môi trường &amp; Xã hội (KHQLMT&amp;XH)</b>	<b>27</b>
7.1 Kế hoạch Quản lý Xã hội .....	27
7.2 Kế hoạch Quản lý Môi trường .....	28
7.3 Kế hoạch Quản lý Bền vững về thể chế .....	29
7.4 Trách nhiệm đối với KHQLMT&XH .....	30
7.4.1 Ủy ban Nhân dân tỉnh .....	30
7.4.2 UBND huyện .....	31
7.4.3 Ban chỉ đạo GĐLNCSTG huyện .....	31
7.4.4 Tổ Công tác GĐLNCSTG .....	31
7.4.5 UBND xã .....	31
7.4.6 Các cơ quan và Phòng ban chức năng .....	31
7.4.7 RUDEP/AusAID .....	32

---

<b>8</b>	<b>Khung chính sách về Tái định cư và Đền bù cho các hộ dân bị ảnh hưởng</b>	<b>33</b>
8.1	Khung chính sách .....	33
8.2	Đối tượng bị ảnh hưởng bởi dự án (PAP) .....	33
8.3	Các nguyên tắc và mục tiêu.....	34
8.4	Thu hồi đất một phần và Kế hoạch tái định cư .....	34
8.5	Thu hồi đất toàn phần và Kế hoạch tái định cư .....	35
8.6	Hành lang pháp lý và thể chế.....	35
8.6.1	Hành lang pháp lý.....	35
8.6.2	Khung thể chế .....	36
8.7	Chính sách về hạn định .....	36
8.8	Sự tham gia của người dân .....	36
8.9	Sắp xếp thực hiện.....	37
8.9.1	Lịch trình thực hiện.....	37
8.9.2	Khiếu nại và kiện cáo .....	37
8.9.3	Giám sát, theo dõi và đánh giá.....	37
8.10	Chi phí và Ngân sách.....	37
<b>9</b>	<b>Các Chiến lược Quản lý Rủi ro</b>	<b>38</b>
9.1	Tổng quát.....	38
9.2	Chiến lược Quản lý Rủi ro Xã hội .....	39
9.3	Chiến lược Quản lý Rủi ro Thể chế .....	40
9.4	Chiến lược quản lý rủi ro môi trường.....	41
9.5	Kế hoạch Hành động Quản lý Rủi ro Xã hội .....	43
9.6	Kế hoạch hành động quản lý rủi ro thể chế .....	45
9.7	Kế hoạch Hành động Quản lý Rủi ro Môi trường.....	48
<b>10</b>	<b>Kết luận</b>	<b>53</b>

## CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 1:	Dân số và tình trạng đói nghèo tại Quảng Ngãi.....	10
Bảng 2:	Diện tích đất lâm nghiệp ở Tỉnh Quảng Ngãi .....	11
Bảng 3:	Khung đánh giá rủi ro XH .....	18
Bảng 4:	Khung đánh giá rủi ro về tính bền vững thể chế .....	19
Bảng 5:	Khung đánh giá rủi ro môi trường .....	22
Bảng 6:	Kế hoạch Hành động Quản lý Rủi ro Xã hội trong GĐLNCSTG.....	43
Bảng 7:	Kế hoạch Hành động Quản lý Rủi ro Thể chế trong GĐLNCSTG.....	45

Bảng 8: Kế hoạch Hành động Quản lý Rủi ro Môi trường đối với GĐLNCSTG.. 48

## HÌNH MINH HỌA

Hình 1: Khung đánh giá về Khả năng xảy ra, Hệ quả và Tính nghiêm trọng của các rủi ro trong ĐGTĐMT&XH đối với GĐLNCSTG ..... 25

## TỪ VIẾT TẮT

Phòng NN&PTNT	Phòng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn (huyện)
AusAID	Cơ quan Phát triển quốc tế Úc
NHCSXH	Ngân hàng Chính sách Xã hội
QLRDVCSĐ	Quản lý rừng dựa vào cộng đồng
HĐĐKĐĐ xã	Hội đồng đăng ký đất đai xã
UBND xã	Ủy ban Nhân dân xã
Sở NN&PTNT	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Sở TN&MT	Sở Tài nguyên và Môi trường
Sở LĐTBXH	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
UBND huyện	Ủy ban nhân dân huyện
Sở KH&ĐT	Sở Kế hoạch và Đầu tư
HDQLMT	Hướng dẫn quản lý môi trường
BVMT&BTTĐDSH	(Đạo luật) Bảo vệ môi trường và Bảo tồn tính đa dạng sinh thái
KHQLMT&XH	Kế hoạch quản lý Môi trường và Xã hội
ĐGTĐMT&XH	Đánh giá Tác động Môi trường và Xã hội
CCPTLN	Chi cục Phát triển lâm nghiệp
BQL rừng	Ban quản lý rừng
CCKL	Chi cục kiểm lâm
HKL	Hạt kiểm lâm (huyện)
Dự án PTNLN	Dự án Phát triển ngành lâm nghiệp (WB)
GIS	Hệ thống thông tin vùng địa lý
CPVN	Chính phủ Việt Nam
GPS	Hệ thống định vị toàn cầu
Ha	Héc-ta
HGD	Hộ gia đình
IPM	Quản lý dịch hại tổng hợp
GCNQSDĐ	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
LSPG	Lâm sản phi gỗ
O&M	Vận hành và duy tu bảo dưỡng
ĐTAHBDA	Đối tượng ảnh hưởng bởi dự án GĐLNCSTG
CNQLMT	Cẩm nang quản lý môi trường của RUDEP
QTGĐLNCSTG	(Quy trình) Giao đất lâm nghiệp có sự tham gia của người dân
UBND tỉnh	Ủy ban Nhân dân Tỉnh
PRA	Đánh giá nhanh nông thôn có sự tham gia
KHHĐTĐC	Kế hoạch hành động tái định cư
RUDEP	Chương trình Phát triển nông thôn Quảng Ngãi
KTCTTĐD	Kỹ thuật canh tác trên đất dốc
LTQD	Lâm trường quốc doanh

TTKTTNMT	Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường
ToT	Tập huấn tập huấn viên
VND	Đông Việt Nam
VBARD	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
KSMSVN	Khảo sát mức sống ở Việt Nam
VSCF	Quỹ Tiết kiệm và Tín dụng địa phương
WB	Ngân hàng thế giới

---

## Tổng quát

Quy trình Giao đất lâm nghiệp có sự tham gia (GĐLNCSTG) là một quy trình toàn diện về giao đất lâm nghiệp cho hộ gia đình mà tuân theo các chủ trương và chính sách của Tỉnh và nhà nước vừa tạo điều kiện thúc đẩy sự tham gia của người dân. Đánh giá tác động xã hội và môi trường (ĐGTĐXHMT) này đã được tiến hành để xác định các rủi ro về mặt môi trường và về mặt xã hội liên quan đến GĐLNCSTG đồng thời đảm bảo tuân thủ theo đúng các Hướng dẫn có liên quan của AusAID. Một Kế hoạch quản lý Môi trường và Xã hội (KHQLMT&XH) cũng đã được xây dựng để quản lý những rủi ro đã được xác định ra. Tài liệu này trình bày ĐGTĐMT&XH kết hợp KHQLMT&XH cho hoạt động GĐLNCSTG và gồm cả một phần về Khung chính sách tái định cư trong GĐLNCSTG. Để nhất quán, ĐGTĐMT&XH, KHQLMT&XH và Khung chính sách tái định cư cũng đã tham chiếu các chủ trương chính sách có liên quan về Dự án Phát triển Ngành Lâm Nghiệp (DAPTNLN) do Chính phủ Việt Nam và WB tài trợ cũng như Dự án xóa đói giảm nghèo miền núi phía bắc. ĐGTĐMT&XH thể hiện các khía cạnh sau:

- Tài trợ của Tỉnh và Huyện để hỗ trợ cho việc nhân rộng GĐLNCSTG trên toàn Quảng Ngãi là một rủi ro đáng lưu ý vì sự thiếu kinh phí có thể dẫn đến việc tăng thêm sự suy thoái môi trường cùng với bất bình đẳng trong giao đất lâm nghiệp. Việc áp dụng một bộ Tài liệu hướng dẫn chặt chẽ và toàn diện, như bản quy trình GĐLNCSTG<sup>1</sup>, có thể giúp giảm nhẹ rủi ro này bằng cách cho phép đặt ra các chỉ tiêu cụ thể và có thể đạt được cùng với việc xác định các yêu cầu ngân sách và các nguồn tài trợ.
- Các bất bình đẳng có thể có trong phân bổ đất lâm nghiệp cho người dân, phụ nữ và người dân tộc thiểu số là tồn tại và song hành với GĐLNCSTG. Tuy nhiên, các bất bình đẳng sẽ đáng quan ngại hơn nếu như áp dụng các quy trình hiện thời của Tỉnh để giao đất lâm nghiệp cho người dân. QTGĐLNCSTG hạn chế các bất cập về mặt xã hội như vậy bằng việc tích cực gắn kết và theo dõi sự tham gia của hộ nghèo, phụ nữ và người dân tộc thiểu số xuyên suốt quy trình.
- Các hoạt động hỗ trợ sau GĐLNCSTG là cần thiết để thúc đẩy các hộ gia đình (đặc biệt là hộ nghèo) đầu tư vào lâm nghiệp và đảm bảo rằng các hộ gia đình có thể đầu tư vào đất lâm nghiệp theo đúng các chủ trương có liên quan. Việc này sẽ bao gồm cung cấp tín dụng, khuyến lâm, phát triển kỹ thuật hệ thống canh tác bền vững trên đất dốc và Quản lý rừng dựa vào cộng đồng (QLRDVCD) kết hợp các nguyên tắc và thực tiễn về quản lý rừng bền vững và lành mạnh đối với môi trường.

Quy trình GĐLNCSTG toàn diện, kết hợp với các chiến lược quản lý rủi ro được lồng ghép xuyên suốt quá trình thực hiện, sẽ góp phần giảm thiểu các rủi ro về mặt xã hội cũng như môi trường liên quan đến giao đất lâm nghiệp. Các kết quả của bản Đánh giá TĐMT&XH này sẽ được kết hợp vào các hoạt động đào tạo/tập huấn về GĐLNCSTG trong thời gian tới và được phổ biến đến các cơ quan tham gia có liên quan thực hiện.

KH quản lý môi trường và xã hội tóm lược cách quản lý, theo dõi và giảm nhẹ các rủi ro về xã hội, môi trường, về tính bền vững thể chế đã được xác định trong ĐGTĐMT&XH. Hầu hết các rủi ro tiềm ẩn liên quan đến môi trường đã được xác định đều có liên quan đến một số các khía cạnh xã hội then chốt trong GĐLNCSTG mà sẽ đòi hỏi có sự quản lý trong suốt các giai đoạn thực hiện và vận hành. Các giai đoạn lập KH và thiết kế đánh giá môi trường vốn đã xác định ra những vấn đề nhằm tạo điều kiện cho các biện pháp giảm

---

<sup>1</sup> Và nhất quán với các hướng dẫn ở Dự án phát triển ngành lâm nghiệp của WB và Chính phủ VN

thiếu được thiết lập. Các tác động chính về mặt xã hội kèm theo những tác động môi trường tiềm ẩn gồm:

- Khả năng của hộ nghèo đầu tư vào tái sinh rừng hoặc các hoạt động lâm nghiệp một khi QTGĐLNCSTG đã bắt đầu;
- Các hộ dân không sử dụng đất lâm nghiệp cho các hoạt động về lâm nghiệp hoặc tái sinh rừng theo như Kế hoạch sử dụng đất lâm nghiệp đã được xây dựng trong quá trình GĐLNCSTG và gây hại/hủy hoại các diện tích rừng tự nhiên vì mục đích thu nhập hoặc trồng trọt;
- Kế hoạch sử dụng đất lâm nghiệp đã được xây dựng và thống nhất nhưng phân loại đất hoặc sử dụng đất thay đổi; do vậy làm mất đi các hoạt động lâm nghiệp và nông-lâm bền vững đã được các hộ dân nhất trí tại các cuộc họp quy hoạch sử dụng đất lâm nghiệp;
- Sự không thành công của RUDEP và các cơ quan, ban ngành chuyên môn, như Chi cục kiểm lâm (CCKL), Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Sở NN&PTNT),... trong việc xác định hỗ trợ kỹ thuật và tài chính phù hợp cho các nội dung nêu trên, cũng như các chủng loại/kỹ thuật quản lý phù hợp cho một diện tích nào đó theo sau quá trình hợp lập KH GĐLNCSTG.

Vì lý do này, quy trình GĐLNCSTG sẽ đòi hỏi có sự theo dõi liên tục trong năm đầu tiên sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhằm giảm nhẹ rủi ro giấy chứng nhận bị thu hồi/thay đổi. Các Hội thảo tổng kết thực hiện GĐLNCSTG sẽ hỗ trợ cho việc đánh giá và giảm nhẹ rủi ro về vấn đề thiếu năng lực để nhân rộng quy trình cũng như các chi phí thường kỳ liên quan đến quy trình là quá cao cho Tỉnh ứng dụng. Các thay đổi về mặt chủ trương chính sách và quy định liên quan đến đất lâm nghiệp, quyền sở hữu của người dân, và vai trò của các cơ quan, ban ngành tham gia có liên quan sẽ đòi hỏi có sự theo dõi lâu dài hơn từ các cơ quan, ban ngành tương ứng.

- Khâu quản lý các rủi ro xã hội liên quan đến GĐLNCSTG phần lớn sẽ được tiến hành trong suốt quá trình thực hiện quy trình. Việc đảm bảo các hộ nghèo, phụ nữ và người dân tộc thiểu số vẫn giữ được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sẽ đòi hỏi các cán bộ địa chính xã, huyện theo dõi với kỳ hạn lâu dài hơn sau khi quy trình hoàn tất.
- Việc đảm bảo rằng các tác động tiêu cực đối với vấn đề an ninh lương thực, thu nhập và sinh kế thông qua chuyển đổi đất hiện sử dụng cho sản xuất nông nghiệp sang đất lâm nghiệp được giảm thiểu - bước đầu sẽ cần phải do Tổ công tác GĐLNCSTG tiến hành. Bản Kế hoạch sử dụng đất lâm nghiệp cấp xã đã xây dựng sẽ được trình lên UBND huyện phê duyệt cùng với tóm lược về phân loại đất, kể cả đất nông nghiệp. Luật đất đai sửa đổi (181/2005/ND-CP; 2004) cung cấp một môi trường chủ trương chính sách tích cực và sẽ tán thành chiến lược quản lý rủi ro này.
- Đa số các vấn đề về môi trường liên quan đến GĐLNCSTG sẽ xảy ra trên thực tế và đòi hỏi có sự quản lý trong suốt các giai đoạn thực hiện và vận hành giả định đã có quyết định thực hiện GĐLNCSTG ở một vùng nào đó. Tuy nhiên, các vấn đề vốn sẽ được xác định trong suốt giai đoạn lập KH và thiết kế đánh giá môi trường sẽ tạo điều kiện hình thành các biện pháp giảm nhẹ.
- UBND huyện, UBND xã và các Ban chỉ đạo GĐLNCSTG cấp huyện sẽ chịu trách nhiệm theo dõi về lâu dài các công tác sử dụng đất sau khi giao. Chi cục kiểm lâm (CCKL) và các Hạt kiểm lâm (HKL) cũng sẽ chịu trách nhiệm theo dõi việc quản lý và bảo vệ đất lâm nghiệp cùng với các hộ dân thông qua tài liệu hướng dẫn và các hoạt động Quản lý rừng dựa vào cộng đồng (QLRDVCD). Việc đưa QLRDVCD vào sẽ hỗ trợ quan trọng cho việc giới thiệu những tập quán sản xuất, quản lý và bảo vệ

rừng – mà giảm nhẹ các vấn đề tiềm ẩn về môi trường xác định trong Đánh giá TĐMT&XH.

- UBND tỉnh và UBND huyện sẽ cần theo dõi sự tham gia và phối hợp của các cơ quan, ban ngành, cá nhân có liên quan đến các hoạt động giao đất lâm nghiệp có sự tham gia (như đào tạo/tập huấn và nâng cao năng lực) và các bộ phận thực hiện (như Các Ban chỉ đạo và Tổ công tác) nhằm góp phần vào tính bền vững về mặt thể chế của quá trình GĐLNCSTG. Vai trò và trách nhiệm của các đại diện từng cơ quan, ban ngành sẽ được UBND tỉnh và UBND huyện phân công và phê duyệt.
- RUDEP phần lớn sẽ đóng vai trò cố vấn và hỗ trợ việc thực hiện GĐLNCSTG và áp dụng ĐGTĐMT&XH/ KHQLMT&XH. Điều này sẽ bao hàm việc phát triển và mở rộng các kỹ thuật nông nghiệp trên đất dốc có hiệu quả kinh tế – là các kỹ thuật lành mạnh đối với môi trường và hộ nghèo có thể áp dụng được. Đồng thời, RUDEP sẽ cần trợ giúp việc giới thiệu tín dụng phù hợp với lâm nghiệp nhằm hỗ trợ các hộ dân đầu tư vào sản xuất lâm nghiệp. Tăng cường năng lực của Tỉnh, Huyện để nhân rộng GĐLNCSTG cũng sẽ là trách nhiệm theo dõi của RUDEP và được thực hiện thông qua tập huấn/đào tạo, đánh giá năng lực và huấn luyện.

Một phần của ĐGTĐMT&XH và KHQLMT&XH trong GĐLNCSTG là về Khung chính sách tái định cư trong GĐLNCSTG. Khung chính sách này đã được soạn thảo nhằm quản lý và giảm nhẹ rủi ro sở hữu đất lâm nghiệp của người dân (có hoặc không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) sẽ bị thu hồi hoặc chuyển đổi. Chi tiết của chính sách này như sau:

- Đối tượng ảnh hưởng bởi dự án trong GĐLNCSTG
- Mục tiêu và nguyên tắc của Khung chính sách tái định cư
- Thu hồi đất một phần/toàn phần và Kế hoạch tái định cư
- Hành lang pháp lý và thể chế
- Sắp xếp thực hiện

Chính sách tái định cư này hỗ trợ việc xác định mọi đối tượng có khả năng bị ảnh hưởng bởi dự án, đảm bảo có các biện pháp tái định cư dành cho các đối tượng này đủ để hỗ trợ họ nâng cao hoặc ít ra duy trì được mức sống cũng như khả năng tạo thu nhập như trước khi có GĐLNCSTG.

Bản ĐGTĐMT&XH và các tình huống rủi ro song hành với GĐLNCSTG là có thể quản lý được thông qua việc xây dựng và thực hiện một quy trình lập kế hoạch sử dụng đất và giao đất lâm nghiệp rõ ràng và toàn diện mà tuân theo các Nghị định và Quyết định của Nhà nước và của Tỉnh. Các kết quả của bản ĐGTĐMT&XH này sẽ được kết hợp vào các hoạt động tập huấn về GĐLNCSTG trong tương lai và được phổ biến đến các cơ quan tham gia có liên quan thực hiện.

# 1 Mở đầu

Chương trình Phát triển nông thôn Quảng Ngãi (RUDEP) đang hỗ trợ UBND tỉnh, các Sở ngành và UBND huyện thực hiện Quy trình giao đất lâm nghiệp có sự tham gia (QTGĐLNCSTG). Tiền đề cơ bản cho việc khởi xướng GĐLNCSTG là một lượng lớn đất lâm nghiệp vốn đang sẵn có tại các xã và huyện miền núi cùng với những cơ hội hỗ trợ hộ gia đình tạo thu nhập thông qua việc sử dụng đất lâm nghiệp bền vững. Tuy nhiên, rất ít đất lâm nghiệp ở Quảng Ngãi đang được sở hữu bởi các hộ gia đình với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ('Sổ đỏ'), và vì thế ít tạo được nguồn khuyến khích để hộ gia đình đầu tư vào lâm nghiệp (tái sinh hoặc bảo vệ rừng) và quản lý sử dụng đất lâm nghiệp bền vững. GĐLNCSTG là quy trình đáp ứng nhu cầu này qua giao đất lâm nghiệp sẵn có và tương thích đến với người dân và do vậy hỗ trợ đầu tư vào các hoạt động lâm nghiệp và tái sinh rừng.

Tài liệu hướng dẫn GĐLNCSTG của tỉnh trình bày các bước có liên quan trong quá trình thực hiện. Chương trình Phát triển Nông thôn Quảng Ngãi (RUDEP) sẽ hỗ trợ việc thực hiện quy trình này trên địa bàn tỉnh thông qua hỗ trợ kinh phí và hỗ trợ kỹ thuật. Mặc dù QTGĐLNCSTG áp dụng phương pháp tiếp cận có sự tham gia của người dân và chú trọng thích đáng vào yếu tố tiến hành quy hoạch sử dụng đất trước khi giao, vẫn có những rủi ro về xã hội, môi trường và tính bền vững thể chế. Vì thế, Đánh giá tác động môi trường & xã hội (ĐGTĐMT&XH) và Kế hoạch quản lý môi trường & xã hội (KHQLMT&XH) cần được soạn thảo nhằm đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về Di sản và Môi trường của Ôxtrâyliá. ĐGTĐMT&XH này trọng tâm vào 3 yếu tố rủi ro chính như sau:

- Các rủi ro về Xã hội (việc đảm bảo tính công bằng và tối đa hóa lợi ích cho các hộ nghèo, phụ nữ và người dân tộc thiểu số).
- Các rủi ro về Môi trường (việc giảm thiểu tổn hại đối với cơ sở các nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo tồn tính đa dạng sinh thái).
- Các rủi ro đến tính bền vững thể chế (việc đảm bảo QTGĐLNCSTG có thể được nhân rộng trên toàn Tỉnh).

ĐGTĐMT&XH và KHQLMT cũng đánh giá rủi ro về tái định cư ngoài chủ ý liên quan đến khả năng mất đất sản xuất. Các phương pháp quản lý rủi ro về môi trường, xã hội và thể chế xác định trong GĐLNCSTG cũng được trình bày chi tiết. Nội dung của bản ĐGTĐMT&XH và KHQLMT sẽ được lồng vào Chiến lược tổng thể quản lý môi trường của RUDEP và phổ biến đến các cơ quan tham gia có liên quan để hiểu rõ thêm và làm xu thế chủ đạo trong suốt quá trình thực hiện.

## 2 Giải trình

### 2.1 Địa lý và nhân khẩu

Quảng Ngãi là Tỉnh nằm ở vùng ven biển miền Trung Việt Nam với diện tích 586.630 Ha (5,130 km<sup>2</sup>). 70% diện tích của Tỉnh phần lớn được phân loại là đồi núi. Tỉnh gồm 12 huyện đất liền, 1 huyện đảo và Thị xã Quảng Ngãi. 7 huyện nằm ở vùng đồng bằng và 6 huyện ở miền núi. 20% hộ dân ở Quảng Ngãi sinh sống ở các huyện miền núi và 80% ở các huyện đồng bằng.

Có 4 dân tộc sinh sống tại Tỉnh Quảng Ngãi, trong đó dân tộc Kinh chiếm 88%. Đa đa số dân tộc Kinh sống ở các huyện đồng bằng. Ba nhóm dân tộc thiểu số sống ở Quảng Ngãi là dân tộc H're (chiếm 9%), dân tộc Cor (chiếm 2%) và dân tộc Xu Đăng (chiếm <1%). Đa số các cộng đồng dân tộc thiểu số sống ở 6 huyện miền núi của Tỉnh.

Theo Khảo sát về Mức sống ở Việt Nam (KSMS ở VN) thực hiện vào năm 2003, 45,1% dân số ở Quảng Ngãi được xem là diện nghèo (536.160 người). Tỷ lệ nghèo ở tất cả các huyện miền núi đều cao hơn các huyện đồng bằng. Tuy nhiên, khi đánh giá tổng hợp, do sự khác nhau trong tổng số hộ dân, khoảng 60% trong số người nghèo ở Tỉnh sống ở các huyện đồng bằng và 40% ở các huyện miền núi. Thông tin về nhân khẩu và sự phân bố dân số theo địa lý ở Tỉnh Quảng Ngãi được trình bày cụ thể tại Bảng 1.

**Bảng 1: Dân số và tình trạng đói nghèo tại Quảng Ngãi<sup>2</sup>**

Huyện	Dân số	Số người nghèo <sup>3</sup>	% nghèo	Diện tích (Km <sup>2</sup> )	Dân số/Km <sup>2</sup>	% người Kinh
Thị xã Q/Ngãi	99,900	16,595	16.6%	37	2,700	99%
Mộ Đức	135,999	51,268	37.7%	212	642	100%
Tur Nghĩa	168,114	69,344	41.2%	227	741	99%
Đức Phổ	142,515	59,090	41.5%	382	373	100%
Nghĩa Hành	91,793	38,399	41.8%	234	392	99%
Sơn Tịnh	187,295	80,029	42.7%	344	544	100%
Bình Sơn	172,353	81,458	47.3%	464	371	100%
Đảo Lý Sơn*	18,266	9,241	50.6%	10	1,827	100%
Trà Bồng* <sup>4</sup>	40,785	28,185	69.1%	756	54	41%
Minh Long*	13,716	9,631	70.2%	216	64	28%
Ba Tơ*	45,113	33,543	74.4%	1,122	40	17%
Sơn Hà*	60,183	46,998	78.1%	750	80	18%
Sơn Tây*	14,112	12,419	88.0%	381	37	6%
<b>T.cộng/Bình quân</b>	<b>1,190,144 người</b>	<b>536,160 người</b>	<b>45.1%</b>	<b>5,135 Km<sup>2</sup></b>	<b>232 người/ Km<sup>2</sup></b>	<b>88% Kinh</b>

\* Các huyện miền núi và huyện đảo

<sup>2</sup> Khảo sát về Mức sống ở Việt Nam (KSMS ở Việt Nam). 2003.

<sup>3</sup> Việc xác định diện nghèo được áp dụng trong Khảo sát là khác với xác định diện nghèo của Chính phủ. KSMS ở Việt Nam áp dụng chuẩn nghèo quốc tế.

<sup>4</sup> Huyện Trà Bồng bao gồm cả thông số từ huyện Tây Trà – là huyện được tách từ Trà Bồng vào cuối năm 2004. Các thông số về huyện Tây Trà không có sẵn tại thời điểm viết bản ĐGTĐXHMT.

## 2.2 Đất lâm nghiệp tại tỉnh Quảng Ngãi

Trong số 513.151 hecta diện tích đất tự nhiên<sup>5</sup> ở Quảng Ngãi, 126.604 Ha được phân loại là đất lâm nghiệp. Trong số này, 91.933 ha được phân loại là rừng tự nhiên và 34.671 ha là rừng sản xuất. Đất trống (thường được gọi là ‘đất chưa sử dụng’) chiếm 209.850 ha (khoảng 40% diện tích đất tự nhiên của Tỉnh). Các diện tích đất lớn nhất, đặc biệt là đất rừng tự nhiên và đất trống nằm ở 6 huyện miền núi. Bảng 2 minh họa các diện tích đất lâm nghiệp qua phân loại ở Tỉnh Quảng Ngãi.

**Bảng 2: Diện tích đất lâm nghiệp ở Tỉnh Quảng Ngãi<sup>6</sup>**

Huyện	Diện tích đất tự nhiên	Diện tích rừng	Rừng tự nhiên	Rừng sản xuất	Đất trống (chưa sử dụng)
Thị xã Q/Ngãi	3,713 Ha	13 Ha	-	13 Ha	-
Mộ Đức	21,233 Ha	3,098 Ha	180 Ha	2,917 Ha	3,604 Ha
Tư Nghĩa	22,760 Ha	1,901 Ha	-	1,901 Ha	4,681 Ha
Đức Phổ	38,186 Ha	6,044 Ha	1,494 Ha	4,549 Ha	12,088 Ha
Nghĩa Hành	23,397 Ha	1,203 Ha	-	1,203 Ha	7,931 Ha
Sơn Tịnh	33,905 Ha	4,638 Ha	173 Ha	4,464 Ha	2,243 Ha
Bình Sơn	46,438 Ha	10,000 Ha	1,054 Ha	8,946 Ha	7,313 Ha
Đào Lý Sơn	997 Ha	57 Ha	-	57 Ha	223 Ha
Trà Bồng <sup>7</sup>	75,555 Ha	21,750 Ha	19,795 Ha	1,958 Ha	44,471 Ha
Minh Long	21,637 Ha	6,812 Ha	6,099 Ha	712 Ha	11,270 Ha
Ba Tơ	112,235 Ha	37,751 Ha	35,309 Ha	2,442 Ha	62,644 Ha
Sơn Hà	75,031 Ha	21,607 Ha	16,479 Ha	5,128 Ha	32,746 Ha
Sơn Tây	38,074 Ha	11,740 Ha	11,350 Ha	390 Ha	22,405 Ha
<b>Tổng cộng</b>	<b>513,151 Ha</b>	<b>126,604 Ha</b>	<b>91,933 Ha</b>	<b>34,671 Ha</b>	<b>209,850 Ha</b>

Đất lâm nghiệp hầu hết tập trung ở các huyện miền núi – là những nơi mà phần lớn dân cư là người dân tộc thiểu số. Rất ít rừng tự nhiên còn lại ở tỉnh Quảng Ngãi và chiếm ít hơn 18% diện tích đất tự nhiên của Tỉnh. Con số này có khả năng là ít hơn và đang giảm xuống với một tốc độ đáng lo ngại. Áp lực về rừng tự nhiên cao cùng với nhu cầu về gỗ rừng tự nhiên giá trị cao dẫn đến tình trạng đốn gỗ hàng loạt ở các mức độ đáng ngại. Áp lực về sản xuất cây hoa màu (như cây mì ở huyện Sơn Hà) cũng góp phần vào vấn đề giảm đáng kể đất rừng tự nhiên. Hiện tại, rừng tự nhiên bây giờ chỉ còn lại ở các xã xa xôi hẻo lánh nhất.

Đất trống chiếm khoảng 40% đất tự nhiên của Tỉnh. Tại nhiều huyện và xã, đất này chiếm tỉ lệ lớn hơn đất lâm nghiệp (cả đất rừng tự nhiên và sản xuất). Dù được xem là ‘chưa sử dụng’, nhưng việc sử dụng hiện thời loại đất này khác với thuật ngữ dùng để mô tả nó. Trong thực tế, nhiều hoặc hầu hết loại đất này được sử dụng nặng theo nhiều mục đích khác nhau, bao gồm trồng trọt và chăn thả, và có sự mặc định rõ rệt giữa các hộ dân về ‘quyền sở hữu’ đất này. Tuy nhiên, vì việc sử dụng như vậy nói đúng ra là không hợp lệ và không tuân theo các quy hoạch sử dụng đất thực tế hay dự kiến, thuật ngữ ‘đất chưa sử

<sup>5</sup> Con số này không gồm đất thổ cư và đất công nghiệp.

<sup>6</sup> Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Sở NN&PTNT). Nghiên cứu kiểm kê rừng. 2004.

<sup>7</sup> Huyện Trà Bồng bao gồm cả thông số từ huyện Tây Trà – là huyện được tách từ Trà Bồng vào cuối năm 2004. Các thông số về huyện Tây Trà không có sẵn tại thời điểm viết bản ĐGTĐXHMT.

dụng' được dùng để chỉ loại đất này. Tình trạng này là không thỏa đáng kể cả về mặt XH và phương diện sinh thái vì không tạo ra được một phạm vi cho việc quy tắc hóa tình trạng sử dụng như thế và mặc nhiên cho phép các tập quán sử dụng không phù hợp cứ tiếp diễn với nguy cơ tiềm ẩn về xói mòn nghiêm trọng và tổn thất tiềm năng sản xuất<sup>8</sup>.

### 2.3 Cách tiếp cận giao đất lâm nghiệp hiện thời tại Quảng Ngãi

Theo ước tính thì đến cuối năm 2004<sup>9</sup>, chỉ 10% đất lâm nghiệp ở Quảng Ngãi đã được giao đến người dân. UBND tỉnh và Sở TN&MT đã đặt ra mục tiêu với kỳ vọng là đến cuối năm 2005 sẽ giao hết tất cả đất lâm nghiệp sẵn có; và chỉ tiêu này đã không được hoàn thành. Điều này phần lớn do thiếu ngân sách, hạn chế về nguồn lực nhân sự và thiếu một quy trình/hướng dẫn chi tiết. Năm 2006, Sở TN&MT lên kế hoạch giao 49.000 Ha đất lâm nghiệp trên toàn tỉnh; tuy nhiên, chỉ có 11.000 Ha sẽ được giao cho người dân. Phần lớn đất lâm nghiệp sẽ được giao cho các Lâm trường quốc doanh và các Tổ chức khác trong năm 2006. Điều này sẽ đưa đến người dân, đặc biệt là người nghèo, có ít cơ hội nhận đất lâm nghiệp với sự đảm bảo về sở hữu.

Qua các cuộc họp và thảo luận với cán bộ Tỉnh, huyện và xã có liên quan đã nhận thấy rằng một phương pháp tiếp cận phần lớn *phi thể thức* hiện được sử dụng để giao đất lâm nghiệp tại tỉnh Quảng Ngãi. Những trở ngại cũng như vấn đề đối với cách tiếp cận này là:

- Quy trình của tỉnh không bao quát hết tất cả đất lâm nghiệp sẵn có ở một xã. Chỉ có đất nào người dân sử dụng mới được đo vẽ và giao cho người dân. Lượng lớn đất khác bị bỏ đi hoặc để đó 'không giao'.
- Những hộ khá giả và những hộ có mối quan hệ với cán bộ địa phương có khả năng nhận đất và hưởng lợi qua quy trình giao đất lâm nghiệp của tỉnh. Đất lâm nghiệp được giao cho dân trên cơ sở người sử dụng trước, nghĩa là người dân sẽ được giao mảnh đất mà họ đã đầu tư và đã trồng các loại cây lâm nghiệp trên mảnh đất đó (chủ yếu là keo và bạch đàn). Do vậy, hộ nghèo có ít cơ hội nhận được đất.
- Các vấn đề tranh chấp về lâu dài xảy ra do thiếu công bằng về đất phân bổ cho các hộ khác nhau. Chẳng hạn, một số hộ nhận được nhiều đất trong khi đó các hộ khác không nhận được gì. Các tranh chấp nghiêm trọng xảy ra giữa các hộ dân với nhau và giữa cán bộ địa phương với dân.
- Đại đa số đất lâm nghiệp được giao cho các Lâm trường quốc doanh (LTQD) cũng như các tổ chức khác. Người dân có hiếm hoi cơ hội được nhận đất. Và do vậy, một lượng lớn đất bị tích tụ bởi các Lâm trường quốc doanh (LTQD) cũng như các tổ chức.
- Quy hoạch sử dụng đất không được tiến hành trước khi giao cho người dân. Người dân thường không sử dụng đất theo đúng với cơ cấu sử dụng, theo đúng Luật đất đai hay Quy hoạch tổng thể.
- Do ít nâng cao năng lực cho cán bộ tỉnh, huyện, xã dẫn đến cơ hội hạn chế cho các cán bộ đánh giá những kỹ thuật cải tiến hỗ trợ giao đất lâm nghiệp.

Không có một quy trình mạch lạc để giao đất cho dân sẽ nảy sinh những vấn đề về thiếu công bằng trong giao và phân bổ đất lâm nghiệp cũng như các vấn đề về sử dụng đất lâm nghiệp bền vững. Một phương pháp giao đất lâm nghiệp thay thế đã được giới thiệu đến

<sup>8</sup> Ông Drake Hocking và ông Phạm Nguyên Khôi (2004). Quy hoạch sử dụng đất và Giao đất lâm nghiệp ở Quảng Ngãi, Việt Nam. Chương trình Phát triển Nông thôn Quảng Ngãi.

<sup>9</sup> Forest Development Sub-Department. October 2004.

các cán bộ then chốt cấp tỉnh và huyện – đó là Quy trình GĐLNCSTG. Phương pháp tiếp cận giao đất lâm nghiệp *có sự tham gia của người dân* này khác với quy trình hiện thời của Tỉnh ở các điểm sau:

- Sự tham gia của người dân, đặc biệt là người nghèo và phụ nữ, được tối đa hóa trong suốt quá trình thực hiện. Người dân được thông báo, tham gia, thảo luận, thực hiện và hưởng lợi một cách hợp pháp từ quy hoạch sử dụng đất và giao đất lâm nghiệp trong khuôn khổ luật định. Thông tin về quyền lợi và trách nhiệm của hộ nhận đất lâm nghiệp được phổ biến đến người dân.
- Quy hoạch sử dụng đất được tiến hành trước khi giao. Đất được phân chia một cách hợp lý theo cơ cấu sử dụng, theo phân loại rừng cũng như phương thức sử dụng tiềm năng. Quy hoạch sử dụng đất được thực hiện cùng với các hộ dân và tuân thủ theo Quy hoạch sử dụng đất tổng thể của tỉnh, huyện cũng như Quy hoạch tổng thể về phát triển lâm nghiệp.
- GĐLNCSTG cũng bao hàm cả đất chưa sử dụng, và, nếu tương thích, sẽ được giao cho dân<sup>10</sup>. Tất cả đất sẵn có mà có tiềm năng lâm nghiệp cũng được gồm vào khi thực hiện quy trình và giao cho các hộ dân. Việc giao đất căn cứ trên tiềm năng của đất nhằm đảm bảo tái sinh rừng và lợi ích bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên.
- Sự cộng tác phối hợp liên sở, liên ngành được hỗ trợ thông qua thành lập các Ban chỉ đạo và Tổ công tác GĐLNCSTG. Tài liệu hướng dẫn thực hiện GĐLNCSTG tóm lược một quy trình toàn diện cùng với các bước thực hiện một cách chi tiết. Vai trò, trách nhiệm của cơ quan, ban ngành cấp tỉnh, huyện, xã cũng được cụ thể hóa.
- Các kỹ thuật vẽ bản đồ cải tiến được áp dụng mà ở đó các bản đồ (VN 2000) được lập với việc sử dụng thiết bị GPS làm tăng tốc độ và khả năng giao đất, lập bản đồ diện tích các loại đất lâm nghiệp và các lô thuộc sở hữu của hộ gia đình.
- Sự quan tâm cũng như các nguồn lực được dành cho tăng cường/nâng cao năng lực một cách thỏa đáng. Điều này bao hàm cung cấp các khóa đào tạo/tập huấn cho các cơ quan ban ngành then chốt về kỹ thuật cũng như phương thức tiếp cận giao đất lâm nghiệp cải tiến. Việc nâng cao năng lực này được hỗ trợ cùng với trang thiết bị và vật tư mà sẽ giúp giảm thời gian giao đất cho một xã và gia tăng độ chuẩn xác của các bản đồ giao đất và giấy chứng nhận sử dụng đất.

QTGĐLNCSTG đáp ứng nhu cầu quy hoạch sử dụng đất lâm nghiệp bền vững lâu dài ở cấp xã. Việc đưa hộ gia đình tham gia vào hoạt động này đảm bảo cho người dân nhận thức được các chủ trương chính sách về quản lý đất lâm nghiệp và lập quy hoạch sử dụng đất lâm nghiệp theo đúng các chủ trương này. Đồng thời, người dân hiểu biết và nắm bắt tường tận các quyền lợi cũng như trách nhiệm liên quan đến cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp ('Sổ đỏ') thông qua chiến dịch truyền thông và nâng cao nhận thức. Qua đó, người dân được cung cấp các cơ hội như nhau để đầu tư vào các hoạt động lâm nghiệp, tái sinh rừng và bảo vệ môi trường theo quy hoạch sử dụng đất lâm nghiệp cấp xã cũng như các chủ trương chính sách về sử dụng đất lâm nghiệp có liên quan.

---

<sup>10</sup> Điểm này khác với quy trình giao đất lâm nghiệp cho dân hiện thời của tỉnh. Quy trình của tỉnh tập trung vào đất rừng sản xuất mà người dân sử dụng và không đưa đất chưa sử dụng vào khi giao đất lâm nghiệp ở một xã.

---

## 3 Giao đất lâm nghiệp có sự tham gia - GĐLNCSTG

### 3.1 Nguyên tắc

Tài liệu hướng dẫn GĐLNCSTG được dự thảo với sự tham gia của các ban ngành then chốt trong Tỉnh cùng với UBND các huyện. Tài liệu này được soạn thảo dựa trên và tuân thủ theo 6 nguyên tắc chung mà hỗ trợ các hướng dẫn và cam kết của AusAID:

- Tuân thủ theo các chính sách và các quy định của Tỉnh và Nhà Nước;
- UBND xã là đơn vị Quy hoạch sử dụng và Giao đất lâm nghiệp;
- Tối đa hoá sự tham gia của hộ gia đình;
- Quy hoạch sử dụng đất lâm nghiệp được tiến hành trước khi giao đất;
- Đảm bảo tính công bằng và giải quyết các tranh chấp;
- Phát triển bền vững.

### 3.2 Các bước thực hiện

Sự cộng tác phối hợp liên sở/liên ngành được hỗ trợ thông qua thành lập các Ban chỉ đạo GĐLNCSTG cấp huyện<sup>11</sup>, Tổ công tác GĐLNCSTG<sup>12</sup> và phối hợp với Hội đồng Đăng ký đất đai cấp xã<sup>13</sup>. Sáu nguyên tắc xuyên suốt quy trình và việc thành lập các bộ phận tổ chức này đặt nền tảng cho 8 bước chính sau đây được tiến hành trong QTGĐLNCSTG:

1. Chuẩn bị và sắp xếp về mặt tổ chức và hành chính (tạo điều kiện cho sự phối hợp giữa các cơ quan/ liên ngành trong quá trình thực hiện GĐLNCSTG);
2. Chuẩn bị về kỹ thuật và thu thập các hồ sơ, tài liệu, bản đồ và các thông tin (liên quan đến sử dụng đất lâm nghiệp và giao đất lâm nghiệp tại xã);
3. Điều tra, khảo sát thực địa và xây dựng các Bản đồ về hiện trạng sử dụng đất (xác định cơ cấu và các công tác sử dụng đất lâm nghiệp hiện thời trong xã và lược nêu các vấn đề và phương án sử dụng đất lâm nghiệp);
4. Lập quy hoạch sử dụng đất lâm nghiệp và xây dựng phương án giao đất lâm nghiệp (tạo cơ sở cho việc giao đất lâm nghiệp đến các hộ gia đình quản lý theo các quy hoạch sử dụng, phân loại và phương án sử dụng đất lâm nghiệp);
5. Giao đất lâm nghiệp trên thực địa (xác định và vẽ bản đồ các ranh giới sử dụng đất lâm nghiệp của hộ gia đình);
6. Thẩm định và phê duyệt giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;
7. Tổng hợp hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp;
8. Tổng kết, đánh giá việc thực hiện và theo dõi tình hình sử dụng đất.

Vai trò và trách nhiệm cho việc thực hiện mỗi bước được tóm lược trong Tài liệu Hướng dẫn GĐLNCSTG.

---

<sup>11</sup> Ban chỉ đạo GĐLNCSTG cấp huyện bao gồm các đại diện từ UBND huyện – Phó chủ tịch (Trưởng ban), Hạt kiểm lâm, Phòng NN&PTNT, Phòng KH& Tài chính, Phòng Tư pháp, Phòng Nhà đất, Thương binh và XH, BQL rừng cấp huyện, Chủ tịch UBND các xã (khi QTGĐLNCSTG đang được tiến hành tại xã đó) và các Bộ phận kỹ thuật khác (khi/nếu cần).

<sup>12</sup> Tổ công tác GĐLNCSTG bao gồm các đại diện từ Hạt kiểm lâm, cán bộ kiểm lâm xã, Phòng NN&PTNT (Cán bộ địa chính và cán bộ kiểm kê rừng), TTKTTN&MT (Các kỹ sư về bản đồ), Chi cục Phát triển lâm nghiệp (Kỹ thuật viên Phát triển lâm nghiệp), Cán bộ địa chính xã, BQL rừng cấp huyện và các Trưởng thôn/Đại diện các hội, đoàn thể.

<sup>13</sup> Hội đồng đăng ký đất đai xã đã có ở mỗi xã và bao gồm các đại diện của xã như sau: Chủ tịch UBND xã, cán bộ địa chính, cán bộ kiểm lâm, Hội nông dân, Hội phụ nữ, Cán bộ tư pháp/công an, cán bộ tài chính và các trưởng thôn.

---

## 4 Đánh giá tác động Môi trường và Xã hội

### 4.1 Tổng quan

Các mối đe dọa chính đối với sự đa dạng sinh thái ở Việt Nam là sự phá hủy môi trường sống, săn bắn không bền vững để sinh tồn, thu thập các sản phẩm phi gỗ, và săn bắt bất hợp pháp các động vật hoang dã để mua bán<sup>14</sup>. Theo nhận định, rõ ràng GĐLNCSTG sẽ góp phần giải quyết các vấn đề này trong khi vẫn gia tăng thu nhập nông thôn, cải thiện sinh kế và mang lại công tác quản lý lâm nghiệp và các nguồn tài nguyên thiên nhiên tốt hơn. Riêng những khía cạnh của GĐLNCSTG - có khả năng tạo ra các rủi ro/ tác động tiêu cực đối với môi trường - có thể liên quan đến việc thành lập, quản lý các khu rừng trồng và bắt cập trong quản lý các nguồn hiện có mà có thể dẫn đến tổn hại đối với độ che phủ tự nhiên hoặc hiện thời.

Phương pháp tiếp cận GĐLNCSTG là nhất quán với các Quyết định và Nghị định có liên quan của Chính phủ về quy hoạch sử dụng đất và giao đất lâm nghiệp. Các rủi ro liên quan trong quá trình thực hiện và, sau khi hoàn tất các hoạt động GĐLNCSTG, cùng với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất – là các rủi ro có thể gây ra các vấn đề về mặt XH, môi trường và tính bền vững thể chế, là những vấn đề lường trước được. Bản ĐGTĐMT&XH này trọng tâm vào 3 lĩnh vực rủi ro chính sau:

- Các rủi ro XH (việc đảm bảo tính công bằng và tối đa hóa lợi ích cho các hộ nghèo, phụ nữ và người dân tộc thiểu số)
- Các rủi ro Môi trường (việc giảm thiểu tổn hại đối với môi trường, rừng tự nhiên và bảo tồn tính đa dạng sinh thái)
- Các rủi ro đến tính bền vững thể chế (việc đảm bảo QTGĐLNCSTG có thể được nhân rộng trên toàn Tỉnh)

Bản ĐGTĐMT&XH được soạn thảo trên cơ sở tham chiếu thêm về Hướng dẫn Số 5 của AusAID ('Quản lý rủi ro'<sup>15</sup>), 'Hướng dẫn quản lý môi trường dành cho Chương trình viện trợ của Úc' và Hướng dẫn số 18 ('Tăng cường tính bền vững thực tiễn'), cùng với các tài liệu tham khảo được trình bày trong Phần 4.2 sau đây.

### 4.2 Phương pháp

ĐGTĐMT&XH được tiến hành thông qua tham chiếu:

- Hướng dẫn Số 5 của AusAID ('Quản lý rủi ro') để xác định các rủi ro có liên quan, các phương pháp đánh giá rủi ro và hình thành các khung quản lý rủi ro.
- Tài liệu hướng dẫn GĐLNCSTG, cùng với các Nghị định, Quyết định của Nhà nước và của Tỉnh mà bản Hướng dẫn này tuân thủ theo, để xác định các rủi ro về XH, môi trường và tính bền vững thể chế và các vấn đề tiềm ẩn liên quan đến GĐLNCSTG.
- Thảo luận với các bên có liên quan tham gia thực hiện từ cấp Tỉnh để bàn về các rủi ro nhận biết được, tiến hành đánh giá rủi ro và hoàn chỉnh các khung quản lý rủi ro.
- Các yêu cầu trong ấn phẩm của AusAID, 'Viện trợ Ôxtrâyliá: Đầu tư vào Tăng trưởng, Ổn định và Thịnh vượng', 2002.

<sup>14</sup> Dick, J & Son, Dự án Phát triển ngành lâm nghiệp VT, 'Đánh giá tác động môi trường và Tổng hợp KH quản lý và theo dõi tác động', Sustainable Visions Victoria/Trường Đại học Quốc gia Việt Nam, Chính phủ Việt Nam, Tháng 8/2003.

<sup>15</sup> Cập nhật ngày 20/6/2003.

- Các yêu cầu bắt buộc của AusAID trong *Chính sách Phát triển bền vững về sinh thái*, và Đạo luật Bảo vệ môi trường và Bảo tồn tính đa dạng sinh thái, (Đạo luật BVMT&BTĐDST), 1999
- Các điều luật, quy định và nghị định của Chính phủ Việt Nam, gồm Luật Bảo vệ môi trường (Luật BVMT) và các công cụ pháp lý chính, tạo ra bối cảnh cho công tác quản lý rừng và đất lâm nghiệp ở Việt Nam: Luật đất đai (2001), Luật Bảo vệ và phát triển rừng (1991).
- Các điều luật và quy định áp dụng khác của Việt Nam, và tập quán môi trường tốt, bao gồm tập quán tốt liên quan đến những hoạt động của Chương trình với tiềm ẩn khả năng gây ra các vấn đề liên quan đến sự lành mạnh môi trường;
- Các cấm nạng hoạt động của Ngân hàng thế giới: Tái định cư không chủ định (BP 4.12) và Công cụ tái định cư không chủ định (OP 4.12 – Phụ lục A);
- Cẩm nang quản lý Môi trường của Chương trình, Hướng dẫn quản lý môi trường và Danh mục kiểm tra Đánh giá tác động môi trường được áp dụng bởi RUDEP<sup>16</sup>;
- Phương pháp tiếp cận đang được thúc đẩy bởi Dự án phát triển ngành lâm nghiệp do WB và Việt Nam tài trợ mà sẽ hoạt động tại một số tỉnh miền Trung trong đó có Quảng Ngãi.

Kết quả ĐGTĐMT&XH sẽ được kết hợp vào các hoạt động đào tạo/tập huấn về GĐLNCSTG trong tương lai để xác định, quản lý và theo dõi các rủi ro một cách hiệu quả trước và khi chúng xảy ra.

### 4.3 Các Khung đánh giá và Quản lý rủi ro

Các khung đánh giá và quản lý tác động đã được hình thành theo Hướng dẫn số 5 ('Quản lý rủi ro') và được áp dụng, đối với những nội dung liên quan, vào trong Tài liệu hướng dẫn GĐLNCSTG. Ba (03) khung đánh giá và quản lý rủi ro riêng biệt đã được xây dựng là: Các rủi ro XH; Các rủi ro Môi trường; và Các rủi ro đến tính bền vững thể chế. Các khung đánh giá và quản lý rủi ro hàm chứa các nội dung sau:

- Nguồn rủi ro (bước/ hoạt động trong quá trình thực hiện GĐLNCSTG);
- Tình huống rủi ro (tóm lược rủi ro XH, môi trường và tính bền vững thể chế);
- Tác động hoặc hệ quả do tình huống (rủi ro) xảy ra;
- Khả năng xảy ra của tình huống (rủi ro): 5 = Hầu như chắc chắn, 4 = Có khả năng, 3 = Có thể, 2 = Ít Khả năng, 1 = Hiếm khi;
- Hệ quả do tình huống (rủi ro) xảy ra: 5 = Rất nghiêm trọng, 4 = Nghiêm trọng, 3 = Trung bình, 2 = Nhỏ, 1 = Không đáng kể;
- Mức độ rủi ro: 4 = Cao nhất, 3 = Cao, 2 = Trung bình, 1 = Thấp;
- Xử lý hoặc quản lý rủi ro; và
- Trách nhiệm (theo dõi).

Khung đánh giá Rủi ro, Khả năng xảy ra và Mức độ nghiêm trọng đã được hình thành và sử dụng để minh họa khả năng xảy ra, hệ quả và mức độ nghiêm trọng của các rủi ro XH, môi trường và tính bền vững thể chế đã xác định. Kết quả của các Khung đánh giá và quản lý rủi ro được trình bày trong Phần 9 cùng với phần giải thích ngắn gọn về rủi ro và các phương pháp tiếp cận quản lý được cung cấp.

---

<sup>16</sup> Do Chương trình soạn thảo đáp ứng các yêu cầu bắt buộc nêu trên được trình bày nguyên bản trong *Nghiên cứu Phạm vi tác động môi trường và Các vấn đề quản lý, Tháng 12/2001* ('*Nghiên cứu phạm vi môi trường*') và được Chuyên gia môi trường sửa đổi trong đợt công tác đầu tiên vào tháng 3/2003 để Chương trình đưa vào sử dụng.

## 5 Kết quả ĐGTĐMT&XH

Kết quả ĐGTĐMT&XH được trình bày trong phần này, cùng với các xếp hạng về khả năng xảy ra và hệ quả, và chiến lược quản lý để giảm nhẹ các rủi ro được xác định này.

### 5.1 Đánh giá tác động XH

Với GĐLNCSTG, 5 rủi ro XH được lường trước như sau:

- Hộ nghèo, phụ nữ và người dân tộc thiểu số tham dự các cuộc họp Quy hoạch sử dụng đất và giao đất lâm nghiệp với số lượng thấp và do đó, không đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp (SR1);
- Hộ nghèo, phụ nữ và người dân tộc thiểu số không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp, do đó, dẫn đến sự thiếu công bằng trong giao đất lâm nghiệp (SR2);
- Đất chưa sử dụng hoặc đất lâm nghiệp hiện được sử dụng cho sản xuất nông nghiệp bị chuyển đổi thành đất rừng sản xuất, và hệ quả là dẫn đến sự thiếu hụt về an toàn lương thực và thu nhập cho hộ gia đình (SR3);
- Các hộ được giao đất và rồi đem bán (hoặc bị ép bán) dẫn đến tình trạng tích tụ đất đai ở các hộ khá giả hơn (SR4) và dẫn đến hộ nghèo bị hắt cẳng;
- Giấy chứng nhận sử dụng đất hiện có (Sổ đỏ), đất thừa kế hoặc các hệ thống hoa lợi dựa trên sự mặc định (đất chăn thả, rừng tự nhiên,...) bị thu hồi/chuyển đổi đưa đến các hộ dân bị ảnh hưởng về mặt kinh tế (SR5).

Sự so sánh các kết quả của Khung Đánh giá tác động XH cho thấy:

- Sự phân bổ đất lâm nghiệp thiếu công bằng và loại trừ hộ nghèo, phụ nữ, người dân tộc thiểu số (SR2), và sự phân loại đất hiện được sử dụng cho mục đích nông nghiệp sang đất rừng sản xuất (SR3), gây ảnh hưởng đến vấn đề an toàn lương thực và thu nhập, là các rủi ro XH đáng kể nhất;
- Các mức độ tham gia thấp của hộ nghèo, phụ nữ và người dân tộc thiểu số trong các cuộc họp thôn về quy hoạch sử dụng đất và giao đất lâm nghiệp (SR1) tuy không chắc có xảy ra nhưng được xem là rủi ro với hệ quả Trung bình;
- Việc thu hồi/chuyển đổi giấy chứng nhận sử dụng đất hiện có, đất thừa kế hoặc các hệ thống hoa lợi dựa trên sự mặc định (đất chăn thả, rừng tự nhiên,...) (SR5) khó có khả năng xảy ra, tuy nhiên, nó được xem là rủi ro với hệ quả Trung bình;
- Áp lực lên các hộ nghèo, phụ nữ và người dân tộc thiểu số sẽ bán đất được giao (SR4) được xem là Rủi ro ở mức độ Trung bình.

Các kết quả này được trình bày trong Bảng 3 và Hình 1 dưới đây.

**Bảng 3: Khung đánh giá rủi ro XH<sup>17</sup>**

Mã rủi ro	Hoạt động	Rủi ro	Tác động	L	C	R
SR1	Các cuộc họp thôn Quy hoạch sử dụng đất và Giao đất lâm nghiệp	Hộ nghèo, phụ nữ và người dân tộc thiểu số tham gia với số lượng thấp	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hộ nghèo, phụ nữ và người dân tộc thiểu số không đăng ký nhận đất</li> <li>Các hộ khá giả hơn đăng ký nhận đất dẫn đến sự phân bổ đất lâm nghiệp cho hộ không công bằng</li> </ul>	2	3	2
SR2	Đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp	Hộ nghèo, phụ nữ và người dân tộc thiểu số không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	<ul style="list-style-type: none"> <li>Người nghèo thiếu đất có sẵn để tạo thu nhập nhờ vào lâm nghiệp</li> <li>Sự phân bổ và giao đất lâm nghiệp cho các hộ dân không công bằng</li> </ul>	2	4	3
SR3	Quy hoạch sử dụng đất lâm nghiệp	Đất hiện được sử dụng cho trồng trọt hỗ trợ thu nhập và an toàn lương thực cho hộ gia đình bị chuyển đổi thành đất rừng sản xuất	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đất sẵn có cho sản xuất nông nghiệp bị giảm</li> <li>Thu nhập và an toàn lương thực của hộ bị ảnh hưởng theo hướng tiêu cực</li> </ul>	3	3	3
SR4	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Hộ được giao đất bán đất này cho các hộ khá giả vì mục đích tạo thu nhập trước mắt	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các diện tích đất lâm nghiệp rộng lớn phần lớn được sở hữu và tích tụ bởi các hộ khá giả</li> <li>Tiềm năng tạo thu nhập trong tương lai cho các hộ dân tộc thiểu số nghèo ở miền núi ít</li> <li>Các hộ gia đình canh tác trên đất dốc hơn để sản xuất lương thực gây thoái hóa rừng tự nhiên</li> </ul>	1	3	2
SR5	Quy hoạch sử dụng đất và xây dựng Phương án giao đất lâm nghiệp	Giấy chứng nhận sử dụng đất hiện có, đất thừa kế hoặc các hệ thống hoa lợi dựa trên sự mặc định bị thu hồi	<ul style="list-style-type: none"> <li>Mất tài sản sản xuất, mất đất và thu nhập</li> <li>Sự tiếp cận với đất lâm nghiệp bị hạn chế và các quyền sử dụng truyền thống bị lấy đi</li> </ul>	2	3	2

SR5 là rủi ro liên quan đến khả năng mất không chủ ý về đất, tài sản sản xuất hoặc quyền sử dụng đất truyền thống của các hộ dân hoặc các nhóm hộ - là hệ quả của GĐLNCSTG. Khả năng mất đất, tài sản và các quyền làm nổi lên tính cần thiết phải có Khung chính sách tái định cư kết hợp vào ĐGTĐMT&XH cũng như các hoạt động hiện trường được thực hiện trong GĐLNCSTG.

## 5.2 Đánh giá tác động đến tính bền vững thể chế

Với GĐLNCSTG, 8 rủi ro về thể chế đã được xác định:

- Các bên tham gia Tỉnh và Huyện có liên quan đến phát triển lâm nghiệp, bảo vệ rừng và giao đất lâm nghiệp không tham gia một cách đầy đủ vào QTGĐLNCSTG, Ban chỉ đạo GĐLNCSTG cấp Huyện, và Tổ công tác GĐLNCSTG (ISR1);

<sup>17</sup> L = Likelihood (Khả năng xảy ra): 5 = Almost Certain (Hầu như chắc chắn), 4 = Likely (Có khả năng), 3 = Possible (Có thể), 2 = Unlikely (Ít khả năng), 1 = Rare (Hiếm).

C = Consequence (Hệ quả): 5 = Severe (Rất nghiêm trọng), 4 = Major (Nghiêm trọng), 3 = Moderate (Trung bình), 2 = Minor (Nhỏ), 1 = Negligible (Không đáng kể).

R = Risk Level (Mức độ rủi ro): 4 = Extreme (Cao nhất), 3 = High (Cao), 2 = Medium (Trung bình), 1 = Low (Thấp).

- Sự thiếu năng lực ở cấp Tỉnh và huyện để mở rộng GĐLNCSTG ra toàn Tỉnh (ISR2);
- Kinh phí từ Tỉnh và huyện không sẵn có cho cấp và giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho dân và hỗ trợ công tác địa chính (ISR3);
- Các luật lệ của Nhà nước và của Tỉnh về phân loại, quản lý và giao đất lâm nghiệp thay đổi làm ảnh hưởng đến việc phân loại đất, cơ cấu sử dụng, cũng như quyền và trách nhiệm của các hộ được giao đất (ISR4);
- Vai trò và trách nhiệm của các cơ quan, ban ngành tỉnh/huyện thay đổi do thể chế mới dẫn đến các vai trò, trách nhiệm mâu thuẫn hoặc chồng chéo nhau cũng như các chậm trễ có thể có trong thực hiện (ISR5);
- Kinh phí của Tỉnh để nhân rộng GĐLNCSTG cho toàn tỉnh là không sẵn có do các chi phí thường kỳ liên quan đến GĐLNCSTG trải dài vượt quá ngân sách của tỉnh và năng lực về nguồn nhân sự (ISR6);
- Kinh phí phân bổ cho GĐLNCSTG bị quản lý không tốt dẫn đến chậm trễ trong giao đất lâm nghiệp và thiếu công bằng trong giao đất (ISR7);
- Các Lâm trường quốc doanh và BQL rừng được giao nhiều đất lâm nghiệp sẵn có khi GĐLNCSTG được tiến hành đưa đến chỉ còn lại ít ỏi đất giao cho hộ gia đình (ISR8).

Kết quả Khung đánh giá tác động đến tính bền vững thể chế cho thấy:

- Kinh phí từ Tỉnh sẵn có để hỗ trợ nhân rộng GĐLNCSTG ra toàn tỉnh là rủi ro cao nhất (ISR6). Điều này được cảm nhận là cao nhất vì các nguồn kinh phí của Tỉnh có thể không trang trải các ngân sách thường kỳ và hỗ trợ cho việc ứng dụng GĐLNCSTG.
- Sự hạn chế về kinh phí sẵn có để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho dân (ISR3) và việc ban hành các bộ luật và nghị định mới liên quan đến phân loại đất lâm nghiệp, cơ cấu sử dụng đất, cũng như quyền lợi và trách nhiệm của các hộ gia đình (ISR4) được xem là các tình huống rủi ro cao về Tính bền vững thể chế.
- Các Ban quản lý rừng (BQL rừng) và Lâm trường nhà nước được giao nhiều đất lâm nghiệp trong quá trình GĐLNCSTG, hoặc từ chối giao đất sẵn có cho các hộ dân (hoặc thông qua hợp đồng, hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), được xem là rủi ro cao về tính bền vững thể chế (ISR8);
- Sự thiếu năng lực của Tỉnh và Huyện (về nguồn nhân lực) để nhân rộng GĐLNCSTG (ISR2) là một rủi ro ở mức độ Trung bình.
- Sự thay đổi vai trò của các bên tham gia tỉnh/huyện có liên quan đến thực hiện GĐLNCSTG (ISR5), và các bên có liên quan không tham gia hoặc hỗ trợ thực hiện GĐLNCSTG (ISR1) là các tình huống rủi ro mức Thấp.

Các kết quả này được trình bày trong Bảng 4 and Hình 1.

**Bảng 4 Khung đánh giá rủi ro về tính bền vững thể chế**

Mã rủi ro	Hoạt động	Rủi ro	Tác động/Hệ quả	L	C	R
ISR1	Các sở ngành cấp tỉnh và Ban chỉ đạo GĐLNCSTG cấp huyện  Tổ công tác GĐLNCSTG	Các bên Tỉnh/ huyện tham gia trong quy hoạch sử dụng đất và giao đất lâm nghiệp không tham gia một cách đầy đủ	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Các bên có liên quan Tỉnh/huyện không tham gia hoặc nhận thức được phương pháp tiếp cận thực hiện trong GĐLNCSTG</li> <li>• Khó khăn trong phối hợp và thiếu năng lực mở rộng GĐLNCSTG một cách hiệu quả ở các xã khác</li> </ul>	2	2	1

Mã rủi ro	Hoạt động	Rủi ro	Tác động/Hệ quả	L	C	R
ISR2	Nâng cao năng lực	Năng lực Tỉnh/huyện cần thiết để tiến hành, duy trì và nhân rộng GĐLNCSTG không được xây dựng Tập huấn về GĐLNCSTG không được thực hiện từ các ban ngành của tỉnh/huyện để tiến hành các hoạt động tập huấn về GĐLNCSTG	<ul style="list-style-type: none"> <li>Phương pháp tiếp cận GĐLNCSTG không thể được nhân rộng ra các xã và huyện khác trên địa bàn tỉnh</li> </ul>	2	3	2
ISR3	Đóng góp từ ngân sách tỉnh	Ngân sách tỉnh/huyện không sẵn có để tài trợ cho cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình	<ul style="list-style-type: none"> <li>Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không được giao cho các hộ gia đình hoặc chỉ giao cho một tỉ lệ hộ nào đó do thiếu kinh phí</li> </ul>	2	4	3
ISR4	Luật lệ của Nhà nước và của tỉnh về phân loại, quản lý và giao đất thay đổi	Những thay đổi liên quan đến phân loại đất lâm nghiệp, cơ cấu sử dụng, cũng như quyền và trách nhiệm của các hộ gia đình theo các Nghị định và Quyết định mới	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cơ cấu sử dụng đất lâm nghiệp và các diện tích đất lâm nghiệp khác với những gì đã được phát triển và đầu tư bởi các hộ gia đình trong và sau giao đất</li> <li>Quyền và trách nhiệm của các hộ gia đình khác với thông tin cung cấp trong quá trình thực hiện</li> </ul>	4	3	3
ISR5	Các thay đổi trong vai trò và trách nhiệm của các cơ quan tham gia	Vai trò của các cơ quan tham gia vào thực hiện GĐLNCSTG, các Ban chỉ đạo GĐLNCSTG cấp huyện thay đổi và ảnh hưởng đến việc thực hiện và nhân rộng	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các chậm trễ trong thực hiện do vai trò và trách nhiệm mâu thuẫn hoặc chồng chéo</li> <li>Các thay đổi cần thiết trong các sở ngành cấp tỉnh và thành viên Ban chỉ đạo GĐLNCSTG cấp huyện, Tổ công tác, và Tài liệu hướng dẫn GĐLNCSTG</li> </ul>	2	2	1
ISR6	Kinh phí của Tỉnh để nhân rộng GĐLNCSTG ra toàn tỉnh không sẵn có	Các chi phí thường kỳ liên quan đến GĐLNCSTG quá cao cho Tỉnh nhân rộng	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kinh phí không sẵn có để nhân rộng GĐLNCSTG ra toàn Tỉnh</li> <li>Chậm trễ trong giao đất lâm nghiệp cho dân trên toàn Tỉnh</li> </ul>	3	4	4
ISR7	Quản lý kém các kinh phí phân bổ cho GĐLNCSTG xảy ra	Kinh phí phân bổ cho GĐLNCSTG bị quản lý kém, sử dụng không đúng hoặc bị phân bổ cho các hoạt động thay thế khác	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không công bằng trong giao đất lâm nghiệp cho dân</li> <li>Chậm trễ trong giao đất lâm nghiệp</li> </ul>	2	3	2
ISR8	Các lâm trường thuộc sở hữu nhà nước và các BQL rừng của huyện	Các lâm trường thuộc sở hữu nhà nước (thuộc BQL rừng của huyện) được giao một tỉ lệ lớn đất lâm nghiệp trong GĐLNCSTG hoặc từ chối giao đất lâm nghiệp cho các hộ gia đình	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sự hạn chế về lượng đất lâm nghiệp sẵn có để giao cho các hộ gia đình</li> </ul>	2	4	3

### 5.3 Đánh giá tác động môi trường

Đánh giá rủi ro đối với môi trường được tiến hành theo quy trình đánh giá môi trường nằm trong Cẩm nang quản lý môi trường của RUDEP – là quy trình chi phối việc đánh giá tất cả các hoạt động được đề nghị và các hoạt động hiện thời của Chương trình. Mục đích

của quy trình đánh giá tác động môi trường của RUDEP là nhằm cảnh báo RUDEP, UBND xã và UBND huyện về các vấn đề liên quan đến môi trường có thể liên quan đến hoạt động mới tại một số giai đoạn riêng biệt. Việc này đảm bảo rằng các tác động tiêu cực được giảm nhẹ, và sự phát triển trong RUDEP diễn ra một cách bền vững.

Tóm lại, có 4 giai đoạn phát triển liên quan đến đánh giá QTGĐLNCSTG từ khía cạnh môi trường, và các giai đoạn này lần lượt dẫn đến việc xác định 17 rủi ro đối với môi trường. 4 giai đoạn được đánh giá là:

- Giai đoạn 1 – Giai đoạn lập KH: Giai đoạn này của quy trình đánh giá môi trường mang lại cơ hội để quyết định không tán thành việc tiến hành GĐLNCSTG tại một xã nếu như việc này mâu thuẫn với các mục tiêu của RUDEP, Chính sách về môi trường của Chương trình hoặc đi ngược lại các nghĩa vụ của RUDEP như đã trình bày trong bất kỳ nguồn tham khảo nào được nêu trong Phần 4.2 ở trên (chẳng hạn nếu có nguy cơ tiềm ẩn về môi trường sống có giá trị bị tác động mạnh mẽ - là hệ quả của GĐLNCSTG).
- Giai đoạn 2 – Giai đoạn thiết kế: Giai đoạn này của quy trình đánh giá xem xét các vấn đề liên quan đến môi trường căn cứ trên việc tiến hành QTGĐLNCSTG (chẳng hạn thiết kế như thế nào là tốt nhất để đảm bảo các tác động đến môi trường được giảm nhẹ). Trong suốt QTGĐLNCSTG, việc này sẽ được thực hiện thông qua đánh giá ban đầu về các nguồn lâm nghiệp, loại đất và diện tích với các rủi ro môi trường ban đầu được xác định.
- Giai đoạn 3 – Giai đoạn thực hiện: Giai đoạn này xem xét đánh giá các rủi ro liên quan đến tiến hành GĐLNCSTG. Điều này bao gồm, và không giới hạn, các vấn đề như xây dựng đường sá; trồng; phát quang cây cối để làm lối đi cho các khu trồng rừng sản xuất.
- Giai đoạn 4 – Giai đoạn vận hành: Giai đoạn này xem xét các vấn đề môi trường dựa trên quản lý các nguồn lâm nghiệp sau GĐLNCSTG và giao đất cho hộ gia đình. Trong bối cảnh QTGĐLNCSTG, điều này có thể bao gồm các vấn đề như sử dụng phân bón và thuốc trừ sâu; quản lý hỏa hoạn; các hoạt động khai thác gỗ, v.v...

Sử dụng phương pháp nghiên cứu trên, một danh mục các vấn đề môi trường đã được xác định và được trình bày trong Bảng 6. Danh mục này bao gồm 16 hoạt động môi trường và các tác động có liên quan, cùng với các giải pháp quản lý được tóm lược dưới đây. Kết quả của Đánh giá tác động môi trường cho thấy:

- Quản lý lâm nghiệp yếu kém dẫn đến tổn hại hệ thống sinh thái (ER12), cháy rừng do quản lý kém (ER13), cũng như các phương thức khai thác lâm nghiệp và thu hoạch không phù hợp (ER14) được xem là các rủi ro cao nhất. Khả năng xảy ra và hệ quả của các rủi ro này được dựa trên các công tác lâm học và khai thác rừng thường được áp dụng trên địa bàn Tỉnh.
- Các chủng loại được dùng để trồng và tái sinh rừng không phù hợp (ER4), áp lực đối với các hộ gia đình chuyển đổi đất sang sản xuất nông nghiệp (ER5), các công trình cầu đường giao thông mới gây ra các vấn đề đối với môi trường/suy thoái rừng (ER7) và sự phát quang cây cỏ tự nhiên trước khi thiết lập các khu rừng trồng (ER9) đều được xem là những rủi ro ở mức độ cao.
- Các hộ dân không sử dụng đất theo như Quy hoạch tổng thể về sử dụng đất của huyện/xã và Quy hoạch tổng thể về sử dụng đất lâm nghiệp của xã (ER3) và sự phát quang các diện tích rừng tự nhiên để hình thành các khu rừng trồng sản xuất (ER8)

được cho là các rủi ro mức độ cao; chúng được xem là ít có khả năng xảy ra mặc dù mang tính nghiêm trọng về mặt hệ quả.

- Các hoạt động không phù hợp ảnh hưởng đến các vùng đệm quanh bì rừng (ER6), sự khai thác quá mức các sản phẩm phi gỗ (ER11) và GĐLNCSTG được thực hiện tại xã không thích hợp (ER1) được xem là các tình huống rủi ro trung bình; trung bình về mặt hệ quả dù khả năng xảy ra là ít hoặc hiếm.
- Các hộ nghèo không thể đầu tư một cách đầy đủ vào các hoạt động lâm nghiệp tái sinh rừng (ER2), việc sử dụng phân bón quá mức để hình thành các khu rừng trồng (ER10), sự bảo quản, đóng gói, làm khô và xử lý gỗ không phù hợp dẫn đến ô nhiễm môi trường (ER15), cũng như thực hiện xây dựng hạ tầng cơ sở không phù hợp (ER16) được xem là các tình huống rủi ro ở mức độ thấp.

Đại đa số các rủi ro môi trường được xác định, nếu phát sinh, sẽ thực tế ‘xảy ra’ ở các giai đoạn thực hiện và vận hành GĐLNCSTG (cụ thể là sau khi GĐLNCSTG được tiến hành và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp được cấp cho hộ gia đình). Ngoại lệ là nếu có một quyết định nào đó được đưa ra trong một tình huống nhất định là không tiến hành GĐLNCSTG (ở trường hợp này, các hệ quả có thể là GĐLNCSTG không diễn ra). Mặc dù các rủi ro môi trường tiềm ẩn xác định trong nội dung Đánh giá tác động môi trường được đặt riêng biệt với các rủi ro phát sinh từ nội dung Đánh giá tác động XH, phần lớn các rủi ro môi trường tiềm ẩn đều có liên quan đến một số khía cạnh xã hội chính trong hoạt động GĐLNCSTG, cụ thể:

- Khả năng của hộ nghèo đầu tư vào tái sinh rừng hoặc các hoạt động lâm nghiệp một khi GĐLNCSTG đã bắt đầu;
- Hộ gia đình không sử dụng đất lâm nghiệp cho các hoạt động lâm nghiệp hoặc tái sinh rừng theo như Kế hoạch sử dụng đất lâm nghiệp được xây dựng trong quá trình GĐLNCSTG và gây hại/phá hủy các diện tích rừng tự nhiên vì mục đích thu nhập hoặc trồng trọt;
- Kế hoạch sử dụng đất lâm nghiệp được xây dựng và thống nhất nhưng sau đó phân loại đất hoặc sử dụng đất thay đổi; vì thế, lờ đi các hoạt động lâm nghiệp và nông-lâm nghiệp bền vững đã được các hộ gia đình thống nhất tại các cuộc họp quy hoạch sử dụng đất lâm nghiệp trong GĐLNCSTG;
- Sự không thành công của RUDEP đối với việc xác định hỗ trợ kỹ thuật và tài chính phù hợp, hoặc các chủng loại/kỹ thuật quản lý thích hợp cho một diện tích nào đó theo sau quy trình hợp lập KH GĐLNCSTG.

Vì lý do này, GĐLNCSTG sẽ đòi hỏi có sự theo dõi liên tục trong năm đầu tiên sau khi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp nhằm giảm nhẹ rủi ro giấy chứng nhận bị thu hồi. Các thay đổi trong chủ trương chính sách và quy định liên quan đến đất lâm nghiệp, quyền sở hữu đất lâm nghiệp của hộ gia đình và vai trò của các cơ quan, ban ngành có liên quan (ISR4 và ISR5) sẽ đòi hỏi có sự theo dõi về lâu dài bởi các cơ quan, ban ngành tương ứng.

**Bảng 5: Khung đánh giá rủi ro môi trường**

Mã rủi ro	Hoạt động	Rủi ro	Tác động/ Hệ quả	L	C	R
ER1	Yêu cầu gợi ý đến RUDEP về tiến hành QTGĐLNCSTG tại 1 xã hoặc huyện	GĐLNCSTG được thực hiện tại 1 xã hoặc huyện không phù hợp  RUDEP quyết định không triển khai	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tồn hại đối với các diện tích rừng tự nhiên và môi trường sống có giá trị</li> <li>• Sở hữu sử dụng đất của hộ gia đình trên thực tế gây ra phá hủy đất lâm nghiệp</li> </ul>	1	3	2

Mã rủi ro	Hoạt động	Rủi ro	Tác động/ Hệ quả	L	C	R
		QTGĐLNCSTG ở một vùng, dẫn đến ‘Đất lâm nghiệp’ không được trồng cây gây rừng.  Mối tiềm ẩn về xói mòn và suy thoái				
ER2	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình	Hộ nghèo không có khả năng đầu tư vào tái sinh rừng hoặc các hoạt động lâm nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đất bị quản lý kém và các tài nguyên thiên nhiên bị suy thoái</li> <li>Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bị thu hồi do sử dụng không đúng hoặc không sử dụng đất</li> </ul>	2	2	1
ER3	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho các hộ gia đình	Hộ gia đình không sử dụng đất lâm nghiệp theo Quy hoạch tổng thể về sử dụng đất của xã/huyện và Quy hoạch sử dụng đất lâm nghiệp của xã	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đất bị quản lý kém và tài nguyên thiên nhiên bị suy thoái</li> <li>Phá hủy thực vật và môi trường sống tự nhiên, và tổn thất về đa dạng sinh thái</li> <li>Xói mòn và tổn hại tăng dần đối với các hệ sinh thái sông ngòi</li> <li>Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bị thu hồi do sử dụng không đúng</li> </ul>	2	4	3
ER4	Thành lập các khu rừng trồng và đầu tư vào sản xuất lâm nghiệp và tái tạo rừng	Trồng và tái tạo rừng với các chủng loại không phù hợp	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tỉ lệ sinh trưởng rừng, sự liên kết của đất và độ che phủ không đạt</li> <li>Các tổn thất về quần thể động vật, đa dạng sinh thái, và môi trường sống tự nhiên</li> <li>Thoái hóa đất, xói mòn và mất chất dinh dưỡng</li> </ul>	3	3	3
ER5	Quy hoạch sử dụng đất lâm nghiệp	Quy hoạch sử dụng đất lâm nghiệp được lập nhưng áp lực dồn lên hộ gia đình chuyển đổi đất sang sản xuất nông nghiệp <sup>18</sup>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Phân loại đất lâm nghiệp hoặc sử dụng đất bị thay đổi dẫn đến các hệ thống canh tác trên đất dốc yếu kém và nguồn tài nguyên thiên nhiên suy thoái</li> <li>Đầu tư ban đầu của nông hộ vào lâm nghiệp bị lỗ cùng với việc các loại cây trồng ngắn hạn thay thế cây lâm nghiệp</li> </ul>	3	3	3
ER6	Thành lập các vùng đệm	Hoạt động không phù hợp ảnh hưởng đến vùng đệm quanh bia rừng đã được tái thiết	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tổn hại hệ thống sinh thái bởi các loại cây trồng và vật nuôi</li> <li>Tổn thất thực vật, đa dạng sinh học và môi trường sống tự nhiên</li> </ul>	2	3	2
ER7	Quy hoạch, thiết kế và xây dựng đường sá, cầu cống	Đường, đường mòn, hoặc cầu cống mới hoặc mở rộng đường sá, cầu cống hiện có dẫn đến chặt phá cây cối, tổn hại môi trường sống, mở đường lây lan sâu bệnh, cô lập các	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tổn thất về môi trường sống và tính đa dạng sinh học</li> <li>Lấn chiếm các điểm rừng tự nhiên tạo điều kiện cho việc đốn cây lấy gỗ hoặc chặt phá gỗ tự nhiên</li> <li>Mở đường lây lan sâu bệnh</li> </ul>	3	3	3

<sup>18</sup> Tình huống rủi ro này được dựa trên các sự kiện trước đây ở huyện Sơn Hà, là huyện mà UBND tỉnh và UBND huyện thành lập Nhà máy mì xã Sơn Hải. Hệ quả là đại đa số hộ gia đình xã Sơn Hải gần nhà máy đã chuyển đổi sang sản xuất mì và đã phá hủy đất lâm nghiệp để trồng mì.

Mã rủi ro	Hoạt động	Rủi ro	Tác động/ Hệ quả	L	C	R
		quản thể cây trồng và động vật, tạo cơ hội cho hoạt động chặt phá bất hợp pháp sau này	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cô lập các quần thể cây trồng, động vật trên cạn và động vật dưới nước</li> </ul>			
ER8	Hình thành các khu rừng sản xuất	Các diện tích rừng tự nhiên bị phát quang để hình thành các khu rừng sản xuất	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tồn thất về môi trường sống tự nhiên và tính đa dạng sinh thái</li> <li>Phá hủy và làm giảm độ bao phủ của đất gây ra rủi ro về xói mòn ngày càng tăng</li> </ul>	2	4	3
ER9	Hình thành các khu rừng sản xuất	Cây cối tự nhiên bị phát quang trước khi hình thành khu rừng trồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>Phá hủy các chủng loại tự nhiên</li> <li>Tồn thất về môi trường sống và tính đa dạng sinh thái</li> <li>Giảm độ bao phủ của đất gây ra rủi ro về xói mòn tăng dần</li> <li>Mối tiềm ẩn về các chủng loại cây trồng bị cô đại/nhiễm sâu và tiềm năng sản xuất lâm nghiệp bị hạn chế</li> </ul>	3	2	3
ER10	Hình thành các khu rừng sản xuất	Sử dụng quá mức phân bón và thuốc trừ sâu để thúc đẩy sự sinh trưởng của khu rừng trồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>Dưỡng chất phân bón rửa trôi ra sông suối</li> <li>Các vấn đề liên quan đến độ axit, độ rắn và dinh dưỡng của đất do bón phân không đúng</li> <li>Tồn thất về các chủng loại tự nhiên và tính đa dạng sinh thái do dùng thuốc bảo vệ thực vật không phù hợp</li> </ul>	2	2	1
ER11	Khai thác các sản phẩm phi gỗ	Khai thác quá mức các sản phẩm phi gỗ làm cạn kiệt quần thể thực vật và động vật	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tồn thất về tính đa dạng sinh thái và quần thể động thực vật</li> </ul>	2	3	2
ER12	Quản lý lâm nghiệp	Quản lý lâm sinh yếu kém dẫn đến tổn hại hệ thống sinh thái	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sự sinh trưởng khu rừng trồng hoặc tái sinh rừng bị cản trở do kỹ thuật lâm sinh yếu kém</li> <li>Tính nhạy cảm đối với hỏa hoạn và xói mòn gia tăng</li> <li>Mở đường cho các loại sâu bệnh phát triển</li> <li>Tổn hại hệ thống sinh thái do dịch bệnh, cháy rừng và mất môi trường sống</li> </ul>	3	4	4
ER13	Lâm sinh và sự hình thành khu rừng trồng	Cháy rừng do công tác quản lý lâm sinh yếu kém	<ul style="list-style-type: none"> <li>Phá hủy hệ động thực vật và hệ quả là mất tính đa dạng sinh học</li> <li>Tổn thương, nguy hại hoặc tác động đối với hộ gia đình</li> </ul>	3	4	4
ER14	Quy trình khai thác rừng	Các phương thức khai thác và thu hoạch không phù hợp được sử dụng	<ul style="list-style-type: none"> <li>Phá hủy cây cò</li> <li>Xói mòn đất gia tăng</li> </ul>	4	4	4
ER15	Quản lý gỗ đốn	Công tác bảo quản, làm khô, cưa, đóng gói và xử lý gây ra sự lãng phí và môi trường bị ô nhiễm hóa chất	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cây gỗ bị đốn ngày càng nhiều</li> <li>Nước ngầm và đất ở địa phương bị nhiễm hóa chất</li> </ul>	2	1	1

Mã rủi ro	Hoạt động	Rủi ro	Tác động/ Hệ quả	L	C	R
ER16	Sử dụng và duy tu đường sá/đường mòn	Công tác xây dựng, vận hành và bảo dưỡng đường sá, cầu cống không phù hợp	<ul style="list-style-type: none"> <li>Bao gồm việc bảo quản các vật liệu xây dựng không đảm bảo để lan đến các thụ quan nhạy cảm</li> <li>Xác định vị trí đào hố lấy đất đắp không phù hợp; quản lý chất thải kém</li> <li>Dầu nhớt bị đổ tràn và gieo rắc qua các phương tiện xây dựng; ổn định độ dốc kém</li> </ul>	2	2	2

**Hình 1: Khung đánh giá về Khả năng xảy ra, Hệ quả và Tính nghiêm trọng của các rủi ro trong ĐGTĐMT&XH đối với GĐLNCSTG**

<b>KHẢ NĂNG XẢY RA</b>	Hầu chắc chắn - Almost Certain (5)					
	Có khả năng - Likely (4)			ISR4;	ER14	
	Có thể - Possible (3)			SR3; ER4; ER5; ER7; ER9	ISR6; ER12; ER13	
	Ít khả năng - Unlikely (2)	ER15	ISR1; ISR5; ER2; ER10; ER16	SR1; SR5; ISR2; ISR7; ER6; ER11	SR2; ISR3; ISR8; ER3; ER8	
	Hiếm - Rare (1)			SR4; ER1		
	Không đáng kể - Negligible (1)	Nhỏ - Minor (2)	Trung bình - Moderate (3)	Nghiêm trọng - Major (4)	Rất nghiêm trọng - Severe (5)	
<b>HỆ QUẢ</b>						

<b>1</b>	Low Risk Rủi ro thấp	<b>2</b>	Medium Risk Rủi ro trung bình	<b>3</b>	High Risk Rủi ro cao	<b>4</b>	Extreme Risk Rủi ro cao nhất
----------	-------------------------	----------	----------------------------------	----------	-------------------------	----------	---------------------------------

## 6 Những phát hiện chính trong ĐGTĐMT&XH đối với GĐLNCSTG

GĐLNCSTG là một quy trình tổng thể về giao đất lâm nghiệp cho các nông hộ vừa tuân theo các chủ trương và quy định của tỉnh và của nhà nước vừa thúc đẩy sự tham gia của nông hộ. Đánh giá Rủi ro về môi trường, xã hội và tính bền vững thể chế được tiến hành để xác định các rủi ro tiềm ẩn và xác định các phương án quản lý và theo dõi nhằm ngăn chặn các rủi ro đó xảy ra. Những phát hiện chính như sau:

- 4 trong số 5 rủi ro Xã hội liên quan đến khả năng các hộ nghèo, phụ nữ, và dân tộc thiểu số không có cơ hội đăng ký và nhận đất lâm nghiệp, không có khả năng đầu tư vào các hoạt động lâm nghiệp. Mặc dù những rủi ro này được xem là ở mức trung bình hay nghiêm trọng thì khả năng xảy ra vẫn thấp vì các bước liên quan trong quá trình thực hiện GĐLNCSTG sẽ hạn chế những tình huống như vậy xảy ra.
- Mỗi tiềm ẩn về thu hồi giấy chứng nhận sử dụng đất, đất thừa kế hoặc các diện tích đất hoa màu sở hữu theo mặc định của các hộ dân/nhóm hộ (SR5) đặt ra nhu cầu cần phải xây dựng và kết hợp Khung chính sách tái định cư vào các hoạt động thực hiện GĐLNCSTG. Cần lưu ý đảm bảo giảm thiểu tình trạng mất đất không chủ định và, đối với những nơi mà việc thu hồi đất là thiết yếu, cần đảm bảo đền bù và hoàn đủ thu nhập cho các hộ dân và cộng đồng bị ảnh hưởng.
- Các vấn đề môi trường gắn với GĐLNCSTG sẽ xảy ra sau khi đất lâm nghiệp được giao cho các nông hộ. Những rủi ro tiềm ẩn này sẽ được quản lý thông qua sự phát triển và cung cấp các hoạt động hỗ trợ, việc lập kế hoạch sử dụng đất lâm nghiệp địa phương, và thông qua sự tuân thủ các hướng dẫn quản lý môi trường được trình bày trong CNQLMT của chương trình và các hướng dẫn trong các nguồn tham khảo như ĐGTĐMT của DAPTR. Việc đưa vào QHSDĐLN ở cấp xã và thôn sẽ làm gia tăng sự nhận thức của người dân về phân loại đất lâm nghiệp, các phương án sử dụng đất, và bảo đảm rằng họ nhận thức được quyền và nghĩa vụ của họ khi được giao đất lâm nghiệp.
- Các vấn đề bền vững về thể chế và sự cần thiết có tài trợ của tỉnh và huyện để ứng dụng và nhân rộng GĐLNCSTG vẫn còn là rủi ro đáng kể liên quan đến GĐLNCSTG. Trong trường hợp GĐLNCSTG được ứng dụng, sẽ dẫn đến một quy trình rõ ràng và chặt chẽ về giao đất lâm nghiệp cho dân, khả năng cải thiện về đạt chỉ tiêu giao đất lâm nghiệp và việc kết hợp những chỉ tiêu này với dự toán và các yêu cầu ngân sách sẽ đem lại kết quả.
- Quản lý và theo dõi rủi ro liên quan đến GĐLNCSTG sẽ được tiến hành bằng cách kết hợp với các Khung Đánh giá và Quản lý Rủi ro trong các đợt tập huấn GĐLNCSTG, giới thiệu Khung Đánh giá và Quản lý Rủi ro đến các Phòng ban của tỉnh; đưa ra và thực hiện một loạt các hoạt động hỗ trợ đầu tư của nông hộ cho lâm nghiệp theo sau việc giao đất lâm nghiệp.

## 7 Kế hoạch Quản lý Môi trường & Xã hội (KHQLMT&XH)

KHQLMT&XH hướng vào các rủi ro tiềm ẩn về xã hội, môi trường, và thể chế được xác định đã xác định trong ĐGTĐMT&XH và mô tả các hoạt động quản lý và giảm nhẹ mỗi tác động tiềm tàng. Bốn tiêu chuẩn liên quan được sử dụng cho KHQLMT&XH là:

- Vấn đề/Mục tiêu (mục tiêu của chiến lược quản lý hoặc hoạt động quản lý);
- Chiến lược quản lý (những chiến lược được thực hiện để giảm các tình huống rủi ro xảy ra);
- Trách nhiệm (Cơ quan, Phòng ban hoặc cá nhân chịu trách nhiệm về theo dõi tình huống rủi ro); và
- Thời gian (trước, và/hoặc trong, hoặc sau GĐLNCSTG liên quan đến việc tăng cường theo dõi trong năm đầu tiên sau khi giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, và theo dõi dài hạn sau GĐLNCSTG).

KHQLMT&XH được trình bày trong Bảng 7, 8 và 9 cùng với giải thích về những kế hoạch quản lý cụ thể, trách nhiệm và thời gian được đề cập dưới đây. Những Kế hoạch hành động quản lý rủi ro trình bày các hoạt động, và chiến lược cho những vấn đề cần thiết trước, trong và sau khi thực hiện GĐLNCSTG để quản lý các rủi ro môi trường & xã hội đã được xác định thông qua ĐGTĐMT&XH. Các bảng xác định các hành động quản lý và các bên có trách nhiệm quản lý rủi ro trên cơ sở liên tục.

### 7.1 Kế hoạch Quản lý Xã hội

KHQLXH được trình bày dưới đây và bao hàm các rủi ro về mặt xã hội SR1, SR2, SR3, SR4 và SR5. Những mục tiêu của KHQLXH xuất phát từ các Rủi ro Xã hội tiềm ẩn là:

- Những hộ nghèo, phụ nữ, và người dân tộc thiểu số tham gia với số lượng cao vào các cuộc họp GĐLNCSTG và có sự tiếp cận và các cơ hội bình đẳng trong việc đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp (SR1 và SR2).
- Các tác động tiêu cực đối với an toàn lương thực, thu nhập, và sinh kế (qua việc chuyển đất hiện đang dùng cho sản xuất nông nghiệp sang đất lâm nghiệp) được giảm thiểu (SR3).
- Những hộ nghèo, phụ nữ và dân tộc thiểu số vẫn giữ được giấy chứng nhận sử dụng đất và không bị sức ép hoặc buộc phải bán đất để tạo thu nhập trước mắt (SR4).
- Việc thu hồi hay thay đổi giấy chứng nhận sử dụng đất, đất thừa kế hay các diện tích đất hoa màu sở hữu theo mặc định hiện có của người dân sẽ được giảm thiểu và, trong tình huống hiếm xảy ra, người dân sẽ được đền bù thỏa đáng và khả năng tạo thu nhập được phục hồi đến các điều kiện như trước khi chưa thực hiện GĐLNCSTG (SR5)<sup>19</sup>.

Việc quản lý Rủi ro xã hội gắn với GĐLNCSTG phần lớn được tiến hành trong suốt thời gian thực hiện GĐLNCSTG (SR1, SR2, và SR3). Bảo đảm rằng các hộ nghèo, phụ nữ, và người dân tộc thiểu số giữ lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (SR4) sẽ đòi hỏi Cán bộ Địa chính xã và huyện theo dõi với thời hạn lâu hơn sau khi GĐLNCSTG hoàn tất. Việc tối đa hoá lợi ích cho các hộ nghèo, phụ nữ và người dân tộc thiểu số (và bảo đảm họ có cơ hội đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp) đòi hỏi phải có sự theo dõi của UBND xã và Tổ công tác GĐLNCSTG trong suốt thời gian thực hiện

---

<sup>19</sup> SR5 concerns involuntary land acquisition/resettlement issues. Therefore a separate Resettlement Policy Framework is outlined and covered in following Section of this Report.

---

GĐLNCSTG. Sự chú ý đặc biệt dành cho công tác theo dõi và ghi lại mức độ tham gia của các hộ nghèo tại các cuộc họp thôn (họp quy hoạch sử dụng đất và giao đất lâm nghiệp). Việc kiểm tra đối chiếu sự tham dự của hộ dân tại các cuộc họp này với số liệu của Sở LĐT&XH sẽ do UBND xã và Tổ công tác thực hiện nhằm bảo đảm hộ nghèo tham gia các buổi họp đạt tỷ lệ cao.

Việc đảm bảo giảm thiểu những tác động tiêu cực về an toàn lương thực, thu nhập, và sinh kế (qua việc chuyển đổi đất hiện đang sử dụng cho sản xuất nông nghiệp sang đất lâm nghiệp) đầu tiên cần phải được tiến hành bởi Tổ công tác GĐLNCSTG. Cuộc họp thôn về sử dụng đất lâm nghiệp và các công tác Đánh giá nhanh nông thôn có sự tham gia (PRA) được tiến hành cùng với các nông hộ sẽ giúp xác định diện tích đất, phân loại đất, và công tác sử dụng đất hiện thời. Đất hiện đang được sử dụng cho nông nghiệp và việc chuyển đổi loại đất này sang đất lâm nghiệp, và những tác động tiềm ẩn đến an toàn lương thực, thu nhập sẽ được đánh giá trong suốt các cuộc họp và các công tác PRA này. Kế hoạch sử dụng đất lâm nghiệp cấp xã đã lập sẽ được trình lên UBND huyện phê duyệt cùng với phân loại đất (kể cả đất nông nghiệp). Luật Đất đai sửa đổi (81/2005/NĐ-CP; 2004) tạo được môi trường chính sách tích cực và hậu thuẫn cho chiến lược quản lý rủi ro này.

Cán bộ Địa chính xã và Cán bộ Phòng NN&PTNT huyện sẽ chịu trách nhiệm theo dõi rủi ro các hộ nghèo bị bắt buộc hoặc ép bán đất (SR4). Thông tin về quyền và nghĩa vụ liên quan đến quyền sở hữu đất lâm nghiệp được phổ biến đến các nông hộ trong các cuộc họp thôn QHSDĐ&GĐLN và sẽ được hỗ trợ cùng với các tài liệu kỹ thuật và áp phích. Sau GĐLNCSTG, Cán bộ Địa chính xã và Cán bộ Phòng NN&PTNT (đặc biệt là Cán bộ Địa chính huyện) sẽ theo dõi tình hình chuyển nhượng và bán quyền sử dụng đất. Các vụ việc bán đất nổi cộm sẽ bị điều tra và có thể bị bác bỏ, những cách tiếp cận này xâm phạm các quyền của hộ dân.

## 7.2 Kế hoạch Quản lý Môi trường

Mục tiêu của KHQLMT xuất phát từ những Rủi ro Môi trường tiềm ẩn là:

- Các hộ sử dụng đất theo đúng với những yêu cầu sử dụng đất, QHSDĐLN cấp xã và CNQLMT của chương trình; và đầu tư vào các hoạt động lâm nghiệp.
- Bản QHSDĐLN cấp xã được phổ biến đến các bên có liên quan và phải được tuân theo.
- Các hoạt động sản xuất, quản lý lâm nghiệp hợp lý kể cả việc hình thành đường lối tiếp cận, quản lý lâm sinh lành mạnh và có tác động tối thiểu đối với môi trường.

Việc quản lý những rủi ro môi trường gắn với GĐLNCSTG phần lớn được tiến hành sau khi thực hiện GĐLNCSTG. Việc theo dõi sát sao trong năm đầu tiên sau khi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp được giao cho các hộ dân sẽ đòi hỏi phải quản lý các rủi ro như vậy. Việc theo dõi về lâu dài là cần thiết nhằm đảm bảo người dân thực hiện các hoạt động sản xuất lâm nghiệp, bảo vệ và quản lý rừng lành mạnh đối với môi trường.

Để đảm bảo các hộ dân sử dụng đất theo đúng với yêu cầu về sử dụng đất, và đầu tư vào các hoạt động lâm nghiệp sẽ đòi hỏi có sự theo dõi sát sao sau khi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được giao cho các hộ. Việc sử dụng đất sai mục đích hoặc không đầu tư vào đất trong vòng một năm sau khi giao sẽ dẫn đến quyền sở hữu bị thu hồi. Việc quản lý những rủi ro này đòi hỏi phải có tín dụng phù hợp và khuyến nông phù hợp với sự đầu tư của dân vào lâm nghiệp. UBND huyện, UBND xã, Ban chỉ đạo GĐLNCSTG cấp huyện sẽ chịu trách nhiệm theo dõi các hoạt động sử dụng đất sau khi giao. Chi cục Kiểm lâm và

Hạt kiểm lâm huyện cũng sẽ chịu trách nhiệm theo dõi việc quản lý và bảo vệ đất lâm nghiệp cùng với dân thông qua các hoạt động và hướng dẫn về Quản lý rừng dựa vào cộng đồng (QLRDVCD). Hoạt động như vậy đưa vào sẽ góp phần quan trọng vào việc bảo vệ rừng tự nhiên và hình thành hướng dẫn cho cộng đồng về quản lý và bảo vệ rừng; từ đó làm giảm nhẹ những vấn đề tiềm ẩn về môi trường được xác định trong ĐGTĐMT&XH.

QHSDĐLN cấp xã được lập thông qua các cuộc họp thôn với sự tham gia của người dân sẽ được chuyển đến cho UBND huyện phê duyệt và đảm bảo rằng bản quy hoạch này hỗ trợ cho Quy hoạch Tổng thể về Sử dụng đất lâm nghiệp của tỉnh. Sau khi được phê duyệt thì bản QHSDĐLN sẽ được phổ biến đến các bên có liên quan và được niêm yết ở thôn, xã để các hộ xem qua. Phân loại đất cùng với các phương án sử dụng sẽ được thảo chi tiết trong bản quy hoạch này và sẽ được Chi cục Kiểm lâm /Hạt Kiểm lâm (thông qua các hoạt động và hướng dẫn QLRDVCD) theo dõi với sự hỗ trợ của Cán bộ Kiểm lâm xã. Cần chú ý đảm bảo rằng sự phân loại đất và các phương án sử dụng đất phải lành mạnh đối với môi trường và có tác động ít nhất lên các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Các hoạt động sử dụng đất không phù hợp sẽ phải báo cáo lên UBND xã và UBND huyện để có giải pháp.

Các hoạt động sản xuất lâm nghiệp và trồng trọt của người dân cần phải lành mạnh đối với môi trường nhằm đảm bảo công tác bảo vệ và quản lý sử dụng đất lâm nghiệp bền vững. Các vấn đề gắn với các hoạt động quản lý, sản xuất, và bảo vệ yếu kém rất hay xảy ra ở Việt Nam (như xói mòn, hỏa hoạn, thiệt hại đa dạng sinh học,...). Các hoạt động khuyến lâm kèm theo các tài liệu và tập huấn kỹ thuật trước tiên sẽ được thực hiện với sự kết hợp các hoạt động sản xuất, quản lý lành mạnh đối với môi trường. Việc làm giảm nhẹ hơn nữa những rủi ro môi trường gắn với sản xuất lâm nghiệp sẽ được tiến hành thông qua việc xây dựng các hoạt động và hướng dẫn QLRDVCD (được Chi cục Kiểm lâm, Hạt Kiểm lâm, và các hộ dân tiến hành) có kết hợp quản lý rủi ro và các biện pháp giảm nhẹ rủi ro môi trường được xác định trong ĐGTĐMT&XH (ví dụ cháy rừng, quản lý lâm nghiệp yếu kém, ...) Sự theo dõi dài hạn về sử dụng và quản lý đất lâm nghiệp sẽ là trách nhiệm của Cán bộ Kiểm lâm xã, Chi cục Kiểm lâm và Hạt Kiểm lâm.

### **7.3 Kế hoạch Quản lý Bền vững về thể chế**

Mục tiêu của Kế hoạch Quản lý Bền vững về thể chế xuất phát từ những rủi ro tiềm ẩn là:

- Các phòng ban, cơ quan, và cá nhân có liên quan tham gia vào GĐLNCSTG và các hoạt động tương ứng (ISR1 và ISR2).
- Ngân sách tỉnh hỗ trợ cho GĐLNCSTG và cho cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho dân được UBND tỉnh ước tính và phê duyệt (ISR3).
- Những thay đổi về chính sách sở hữu và sử dụng đất lâm nghiệp (thông qua sự phê duyệt những Nghị định và Quyết định mới) sẽ được phổ biến và những tác động tiềm ẩn đến các quyền và nghĩa vụ của dân sẽ được thông báo (ISR4).
- Những thay đổi về vai trò của các phòng ban và cơ quan (thông qua sự phê duyệt những Nghị định và Quyết định mới) liên quan đến GĐLNCSTG sẽ được trình bày và những trách nhiệm của họ với tư cách là thành viên của Ban chỉ đạo GĐLNCSTG cấp huyện sẽ được sửa đổi (ISR5).
- Những yêu cầu tài trợ của tỉnh và khả năng tài trợ thường kỳ để nhân rộng GĐLNCSTG ra các xã và huyện khác ở tỉnh Quảng Ngãi được trình bày và đề xuất lên UBND tỉnh (ISR6).
- Nguồn tài trợ tỉnh phân bổ cho GĐLNCSTG được sử dụng hợp lý và các chi tiêu kinh phí đều được báo cáo (ISR7).

- Các BQL rừng và các Lâm trường nhà nước tham gia vào việc thực hiện GĐLNCSTG và hỗ trợ dân tham gia vào quản lý, bảo vệ rừng và sản xuất lâm nghiệp (ISR8).

Việc đảm bảo các phòng ban, cơ quan, và cá nhân có liên quan tham gia vào các hoạt động GĐLNCSTG (ví dụ: tập huấn và nâng cao năng lực) và đơn vị thực hiện (như Ban chỉ đạo GĐLNCSTG và Tổ công tác) sẽ góp phần vào tính bền vững của GĐLNCSTG (ISR1 và ISR2). UBND tỉnh và UBND huyện cần theo dõi tính liên quan và sự tham gia này. Vai trò và trách nhiệm của đại diện các phòng ban và cơ quan sẽ được UBND tỉnh và UBND huyện phân công và phê duyệt. Việc UBND tỉnh và huyện chính thức thành lập những đơn vị này sẽ góp phần cho GĐLNCSTG được nhân rộng một cách bền vững sang các xã và huyện khác của Quảng Ngãi. Các thành viên được phân công vào đơn vị thực hiện cũng sẽ là những người được hưởng lợi từ hoạt động tập huấn, và năng lực đạt được cùng với khả năng được đánh giá.

Việc đảm bảo GĐLNCSTG đạt tính bền vững về mặt thể chế phần lớn sẽ là trách nhiệm của Ban chỉ đạo GĐLNCSTG huyện. Cuối cùng, sự ủng hộ của UBND tỉnh cho GĐLNCSTG sẽ mang lại sự đảm bảo lớn nhất đối với tính bền vững về thể chế. Các Ban chỉ đạo này sẽ chịu trách nhiệm tiến hành rà soát lại tài liệu hướng dẫn GĐLNCSTG và định mức chi phí được áp dụng. Sau đó, Sở TN&MT sẽ hoạch định chi phí thường kỳ sẽ và trình lên UBND tỉnh xem xét hỗ trợ kinh phí.

#### **7.4 Trách nhiệm đối với KHQLMT&XH**

Bảy (7) đơn vị chính gắn với việc thực hiện GĐLNCSTG và đóng vai quan trọng trong việc thực hiện KHQLMT&XH là:

- Ủy ban Nhân dân tỉnh (UBND tỉnh)
- Ủy ban Nhân dân huyện (UBND huyện)
- Ban chỉ đạo GĐLNCSTG huyện
- Tổ Công tác GĐLNCSTG
- Ủy ban Nhân dân xã (UBND xã)
- Sở Tài nguyên và Môi trường (Sở TN&MT)

Chương trình Phát triển Nông thôn Quảng Ngãi (RUDEP)/AusAID

Mỗi một đơn vị đều có các Phòng ban, Cơ quan kỹ thuật, hoặc Bộ phận Kỹ thuật liên quan trực tiếp đến thực hiện GĐLNCSTG và áp dụng KHQLMT&XH. Trách nhiệm của họ đối với việc thực hiện KHQLMT&XH sẽ được trình bày thêm khi Ban chỉ đạo và Tổ công tác GĐLNCSTG được thành lập.

##### **7.4.1 Ủy ban Nhân dân tỉnh**

UBND tỉnh cần có trách nhiệm ủng hộ về mặt chủ trương cho phương pháp giao đất lâm nghiệp công bằng và hướng đến đối tượng hộ nghèo. Điều này được thực hiện thông qua việc phê duyệt chính thức Tài liệu hướng dẫn thực hiện GĐLNCSTG – là quy trình lưu ý đến các hộ nghèo, phụ nữ và người dân tộc thiểu số. UBND tỉnh cũng sẽ cần thúc đẩy và ủng hộ các hoạt động QLSDĐLN lành mạnh đối với môi trường thực hiện bởi các nông hộ, BQL rừng, Lâm trường quốc doanh, và các cơ quan ban ngành.

Việc thúc đẩy tính bền vững thể chế thiết thực của GĐLNCSTG sẽ là trách nhiệm hàng đầu của UBND tỉnh. Về mặt này, Ban chỉ đạo GĐLNCSTG và Sở TN&MT cần phải thông tin cho UBND tỉnh về các hoạt động GĐLNCSTG diễn ra trên địa bàn tỉnh. Hoạch

định chi phí thường kỳ cho GĐLNCSTG cần phải được thực hiện và thông báo lên UBND tỉnh để được hướng dẫn về nguồn kinh phí và phân bổ ngân sách, khi có.

#### **7.4.2 UBND huyện**

UBND huyện có thẩm quyền để phê duyệt bản QHSDĐLN cấp xã (theo đúng với Quy hoạch sử dụng đất tổng thể cấp huyện) và chính thức cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho dân. Với thẩm quyền này, UBND huyện sẽ chịu trách nhiệm đảm bảo QHSDĐLN cấp xã lành mạnh đối với môi trường trước khi phê duyệt và chính thức phê duyệt giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp (bảo đảm tính công bằng trong giao đất và chú trọng nhiều vào đối tượng hộ nghèo). Tính bền vững thể chế của GĐLNCSTG tại Huyện sẽ được UBND huyện hỗ trợ thông qua việc thành lập chính thức Ban chỉ đạo GĐLNCSTG cấp huyện cùng với trách nhiệm đối với cá nhân được nêu rõ.

#### **7.4.3 Ban chỉ đạo GĐLNCSTG huyện**

Ban chỉ đạo GĐLNCSTG huyện sẽ đóng vai trò then chốt trong việc tham mưu cho UBND huyện về thực hiện GĐLNCSTG theo đúng với ĐGTĐMT&XH và KHQLMT&XH. Ban chỉ đạo sẽ chịu trách nhiệm xem xét bản QHSDĐLN cấp xã (trước khi trình cho UBND huyện chính thức phê duyệt) và bảo đảm bản quy hoạch đó lành mạnh đối với môi trường cùng với phân loại đất (kể cả đất nông nghiệp) được xác định. Ban chỉ đạo GĐLNCSTG huyện cũng sẽ theo dõi và phổ biến các Nghị định, Quyết định mới có liên quan đến lâm nghiệp, giao đất lâm nghiệp và tham mưu cho UBND huyện và các UBND xã áp dụng.

#### **7.4.4 Tổ Công tác GĐLNCSTG**

Tổ công tác GĐLNCSTG là một đơn vị liên ngành phần lớn chịu trách nhiệm thực hiện GĐLNCSTG. Tổ Công tác này đóng vai trò then chốt trong quản lý và giảm nhẹ các rủi ro liên quan đến GĐLNCSTG. Tổ sẽ xem xét sự tham gia của các hộ nghèo tại các cuộc họp thôn, mức độ đăng ký nhận đất lâm nghiệp của hộ nghèo và giảm thiểu những tác động tiêu cực đến an toàn lương thực và thu nhập (qua chuyển đổi có thể từ loại đất hiện đang sử dụng cho nông nghiệp sang đất lâm nghiệp).

#### **7.4.5 UBND xã**

UBND xã cùng với Tổ công tác GĐLNCSTG sẽ hỗ trợ thực hiện GĐLNCSTG. UBND xã sẽ chịu trách nhiệm trợ giúp theo dõi sự tham dự của các hộ nghèo tại các cuộc họp thôn và đảm bảo rằng hộ nghèo có sự tiếp cận ngang nhau vào quy trình giao đất lâm nghiệp. Theo dõi dài hạn, đặt biệt theo dõi tình hình sử dụng đất theo đúng với QHSDĐLN cấp xã sẽ là một trách nhiệm quan trọng của UBND xã. Theo dõi dài hạn về tình hình mua bán và chuyển nhượng đất lâm nghiệp sẽ được UBND xã tiến hành nhằm đảm bảo quyền lợi của các hộ dân được bảo vệ. Cán bộ Địa chính xã và Cán bộ Kiểm lâm sẽ đóng một vai trò quan trọng trong khâu quản lý và theo dõi.

#### **7.4.6 Các cơ quan và Phòng ban chức năng**

Các Phòng ban và Cơ quan chức năng cấp tỉnh và huyện sẽ tham gia vào thực hiện GĐLNCSTG và chịu trách nhiệm theo dõi sự tuân thủ theo ĐGTĐMT&XH và KHQLMT&XH. Chi cục Kiểm lâm (CCKL) và Hạt Kiểm lâm (TKL) huyện sẽ chịu trách nhiệm theo dõi về lâu dài công tác quản lý và bảo vệ rừng. Công tác theo dõi này sẽ được thúc đẩy thông qua sự hỗ trợ các hoạt động QLRDVCD và xây dựng các hướng dẫn quản lý và bảo vệ rừng cộng đồng. Sở TN&MT sẽ đóng một vai trò then chốt trong thúc đẩy tính bền vững thể chế của GĐLNCSTG. Đầu tiên họ sẽ chịu trách nhiệm đánh giá và ủng hộ chính thức ĐGTĐMT&XH và KHQLMT&XH.

#### **7.4.7 RUDEP/AusAID**

RUDEP phần lớn sẽ đóng vai trò cố vấn và hỗ trợ cho việc thực hiện GĐLNCSTG và sự áp dụng ĐGTĐMT&XH/KHQLMT&XH. RUDEP sẽ chịu trách nhiệm góp phần vào giảm nhẹ rủi ro xã hội và môi trường. Điều này liên quan đến sự phát triển và mở rộng các kỹ thuật nông nghiệp có lợi trên đất dốc mà lành mạnh đối với môi trường và có thể áp dụng được cho đối tượng hộ nghèo. Bên cạnh đó RUDEP sẽ cần phải trợ giúp giới thiệu tín dụng thích hợp cho lâm nghiệp để hỗ trợ sự đầu tư của nông hộ vào trong sản xuất lâm nghiệp. Xây dựng năng lực tỉnh và huyện để nhân rộng GĐLNCSTG cũng sẽ là một trách nhiệm theo dõi của RUDEP và sẽ được tiến hành thông qua tập huấn, đánh giá năng lực và huấn luyện. AuAID sẽ chịu trách nhiệm xem xét ĐGTĐNT&XH và KHQLMT&XH và bảo đảm những nội dung này tuân thủ theo các Hướng dẫn Quản lý Môi trường của AusAID.

Nâng cao năng lực quản lý môi trường dài hạn sẽ được RUDEP hỗ trợ và giới thiệu đến các Phòng ban có liên quan. Hỗ trợ của RUDEP cho GĐLNCSTG bao gồm cung cấp đủ tập huấn và trang thiết bị cần thiết để giới thiệu các hệ thống cải tiến về quản lý và bảo vệ rừng, bao gồm QLRDVCĐ và GIS/GPS; cả hai nội dung này hiện chưa có hoặc chưa được tiến hành ở tỉnh Quảng Ngãi. CCKL và HKL sẽ là các đơn vị cấp tỉnh và huyện chịu trách nhiệm hỗ trợ giới thiệu các hoạt động như vậy. Việc áp dụng các hoạt động này sẽ giúp thúc đẩy các hoạt động sử dụng đất lâm nghiệp lành mạnh đối với môi trường và hỗ trợ trong khâu quản lý đất đai.

## 8 Khung chính sách về Tái định cư và Đền bù cho các hộ dân bị ảnh hưởng

Phần này trình bày Khung chính sách về Tái định cư và Đền bù cho các hộ dân bị ảnh hưởng trong GĐLNCSTG. Khung chính sách cùng với bản kế hoạch đã được xây dựng theo tài liệu nguồn và tài liệu hướng dẫn có liên quan<sup>20</sup>. Khung chính sách về Tái định cư và Đền bù trọng tâm vào rủi ro xã hội SR5: các hộ dân sở hữu đất lâm nghiệp có giấy chứng nhận, đất thừa kế hoặc đất hoa màu sở hữu theo mặc định bị thu hồi hoặc lấy từ các cá thể hộ gia đình hay nhóm hộ. Khả năng xảy ra chung được xem là ít; tuy nhiên, việc thu hồi diện tích nhỏ có thể diễn ra.

Bất kỳ sự thu hồi đất hoặc giấy chứng nhận tiềm ẩn trong GĐLNCSTG là kết quả thực thi Luật đất đai của chính quyền địa phương. Theo Luật này, đất được phân loại là đất lâm nghiệp (đất rừng sản xuất, phòng hộ hay đặc dụng) phải được sử dụng cho các mục đích lâm nghiệp/tái tạo rừng. Các hộ dân phá rừng (và sử dụng đất này cho các mục đích khác), hay dùng đất này để canh tác/để trống không sử dụng, hoặc nhận đất lâm nghiệp và không đầu tư vào lâm nghiệp đều đối mặt với khả năng là quyền sở hữu bị thu hồi (giả định là họ đã nhận được giấy chứng nhận cho đất đó). Đất lâm nghiệp thừa kế cũng có thể bị thu hồi trong những trường hợp như thế nếu như các hộ dân không chịu đầu tư vào lâm nghiệp/tái sinh rừng. Cách tiếp cận như vậy để thực thi Luật đất đai hỗ trợ sự cam kết của Nhà nước đối với việc tái sinh rừng trên cả nước (chẳng hạn Chương trình tái sinh 5 triệu hecta rừng).

### 8.1 Khung chính sách

Mục tiêu chung của Khung chính sách là nhằm giảm thiểu mức độ thu hồi đất/tái định cư không chủ định, và trong trường hợp xảy ra, có sự đền bù thiệt hại một cách thỏa đáng và ổn định cuộc sống các hộ dân để hỗ trợ họ nâng cao hoặc duy trì được mức sống và thu nhập như trước khi có GĐLNCSTG. Khung chính sách này bao gồm:

- Các nguyên tắc và mục tiêu
- Đối tượng bị ảnh hưởng bởi dự án (PAP)
- Hạn định
- Hành lang pháp lý và thể chế
- Phương thức đền bù và ổn định cuộc sống
- Sự tham gia của người dân và thủ tục khiếu nại

Khung chính sách này được soạn thảo để cho UBND xã và các thành viên Tổ công tác để đăng áp dụng trong và sau khi thực hiện GĐLNCSTG.

### 8.2 Đối tượng bị ảnh hưởng bởi dự án (PAP)

Đối tượng bị ảnh hưởng bởi dự án bao gồm các đối tượng sau được xác định qua thực hiện GĐLNCSTG là sẽ bị ảnh hưởng do thu hồi đất, mất đất thừa kế hay mất quyền sử dụng:

---

<sup>20</sup> Cẩm nang hoạt động của WB: Tái định cư không chủ định (BP 4.12) và Công cụ cho tái định cư không chủ định (OP 4.12 – Phụ lục A). Việt Nam: Khung chính sách đền bù, tái định cư và ổn định cuộc sống cho các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dự án Xóa đói giảm nghèo miền núi phía bắc – 24/7/2000 (RP-52).

- Những hộ dân sở hữu đất lâm nghiệp (có giấy chứng nhận sử dụng đất) hiện sử dụng đất đó cho các mục đích phi lâm nghiệp, vi phạm Luật đất đai, bị thu hồi đất và giấy chứng nhận
- Những hộ dân trước đây sử dụng/quản lý đất lâm nghiệp ‘không do thừa kế’ mà đất đó không được giao cho hộ (với giấy chứng nhận) trong GĐLNCSTG.
- Đất hoa lợi theo mặc định được giao cho các hộ dân và không chế/hạn chế các hộ khác tiếp cận các nguồn lực cũng như thu nhập

### 8.3 Các nguyên tắc và mục tiêu

Các nguyên tắc cho Hướng hoạt động của WB 4.30 đã được ứng dụng để xây dựng Khung chính sách này:

- Thu hồi đất, tái định cư hay thiệt hại về tiếp cận của người dân đối với các nguồn lực sẽ được giảm thiểu nhiều đến mức có thể
- Mọi đối tượng bị ảnh hưởng bởi dự án được xác định trong và sau khi thực hiện GĐLNCSTG có quyền nhận được những phương thức ổn định cuộc sống nhằm hỗ trợ họ nâng cao hay ít ra là duy trì được mức sống và khả năng kiếm sống như trước khi có GĐLNCSTG.
- Các phương thức ổn định cuộc sống sẽ được đưa ra là:
  - Đền bù bằng tiền cho thiệt hại về mùa màng/cây trồng, vật tư và công lao động đã đầu tư
  - Đất có khả năng sinh lợi ngang nhau mà đối tượng bị ảnh hưởng có thể chấp thuận
- Việc thay thế đất nông/lâm nghiệp sẽ phải sát đến mức có thể với đất đã mất, và các đối tượng bị ảnh hưởng có thể chấp thuận.
- Kế hoạch thu hồi đất và tài sản khác cùng với các phương án ổn định cuộc sống sẽ được thực hiện trong sự tham khảo ý kiến với các đối tượng bị ảnh hưởng
- Các nguồn kinh phí cho đền bù và ổn định cuộc sống cho các đối tượng bị ảnh hưởng sẽ từ:
  - UBND xã sẽ hỗ trợ kinh phí cho đền bù đối với đất nông hay lâm nghiệp.
  - Đền bù đối với mùa màng, cây cối, thiệt hại về thu nhập, vật tư và công lao động đã đầu tư sẽ từ UBND huyện
- Các sắp xếp về thể chế sẽ phải thích hợp nhằm đảm bảo việc thiết kế, lập kế hoạch, tham khảo ý kiến và thực hiện kiểm kê cùng Kế hoạch hành động ổn định cuộc sống (RAP) hiệu quả và kịp thời.
- Khâu giám sát, theo dõi và đánh giá việc thực hiện kiểm kê và Kế hoạch hành động ổn định cuộc sống (RAP) hiệu quả, thường xuyên và kịp thời sẽ được tiến hành.

### 8.4 Thu hồi đất một phần và Kế hoạch tái định cư

Trường hợp tác động do thu hồi đất trong GĐLNCSTG nhỏ<sup>21</sup>, Kế hoạch tái định cư một phần sẽ do Hội đồng đăng ký đất đai xã (HĐĐKĐĐ) và Tổ công tác lập. Một kế hoạch tái định cư một phần sẽ gồm có các nội dung sau:

- Bản kiểm kê

---

<sup>21</sup> Tác động được xem là nhỏ khi <30% đất bị thu hồi và khả năng sinh lợi của đất đó chiếm <10% thu nhập cả năm.

- Khảo sát kinh tế-xã hội
- Đền bù chi tiết
- Lịch trình thanh toán và ổn định cuộc sống
- Dự toán chi phí và Nguồn kinh phí

Kế hoạch tái định cư một phần sẽ phải được hoàn tất trước khi xây dựng Phương án giao đất lâm nghiệp của xã (Bước 4.5 trong quy trình) ít nhất 1 tháng. Từng kế hoạch sẽ được lồng ghép vào Phương án giao đất lâm nghiệp và trình lên UBND huyện phê duyệt. Công tác đền bù, tái định cư và ổn định cuộc sống sẽ phải hoàn tất trước Bước 5 trong quy trình (lập bản đồ lô/thửa đất lâm nghiệp hộ gia đình) ít nhất một tháng. Bản kiểm kê cùng với KH tái định cư một phần sẽ bao gồm các thông tin sau cho từng hộ là đối tượng bị ảnh hưởng bởi dự án:

- Số lượng hộ và tên hộ
- Số lượng, loại đất, diện tích đất và công tác sử dụng/mức sản xuất hiện thời
- Số lượng và loại cây/cây trồng bị tổn thất
- Vật tư đã đầu tư và tổn thất về công lao động
- Tài sản mang lại năng suất bị tổn thất theo phần trăm tổng tài sản mang lại năng suất

Hạn định đền bù đất và thu nhập bị ảnh hưởng sẽ được tính toán dựa trên các thông tin thu thập được nêu trên.

## **8.5 Thu hồi đất toàn phần và Kế hoạch tái định cư**

Kế hoạch hành động tái định cư toàn phần (RAP) sẽ là cần thiết khi tác động do thu hồi đất là đáng kể<sup>22</sup>. Kế hoạch này sẽ do HĐĐKĐĐ xã lập với sự hỗ trợ của Tổ công tác. KH bao gồm những nội dung sau:

- Bản kiểm kê
- Khảo sát kinh tế-xã hội
- Thông tin về đền bù và hạn định chi tiết
- Các hoạt động thực hiện và ổn định cuộc sống
- Sắp xếp theo dõi và đánh giá
- Lịch trình thực hiện
- Dự toán chi phí và Nguồn kinh phí.

Kế hoạch này sẽ phải được hoàn tất trước khi xây dựng Phương án giao đất lâm nghiệp của xã (Bước 4.5 trong quy trình) ít nhất 1 tháng. Từng kế hoạch sẽ được lồng ghép vào Phương án giao đất lâm nghiệp và trình lên UBND huyện phê duyệt. Công tác đền bù, tái định cư và ổn định cuộc sống sẽ phải hoàn tất trước Bước 5 trong quy trình (lập bản đồ lô/thửa đất lâm nghiệp hộ gia đình) ít nhất một tháng.

## **8.6 Hành lang pháp lý và thể chế**

### **8.6.1 Hành lang pháp lý**

Hành lang pháp lý chi phối việc thực hiện Khung chính sách và Kế hoạch hành động tái định cư toàn phần (RAP) xuất phát từ các nghị định/quyết định sau:

---

<sup>22</sup> Tác động được xem là nhỏ khi >30% đất bị thu hồi và khả năng sinh lợi của đất đó chiếm >10% thu nhập cả năm.

- Nghị định 181/2004/NĐ-CP về việc thực hiện Luật đất đai (tháng 11/2004)
- Quyết định 178/2001/QĐ-TTG về quyền hưởng lợi và trách nhiệm của hộ gia đình nhận, thuê hay nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp (tháng 11/2001)
- Quyết định 138/2004/QĐ-UB của UBND tỉnh Quảng Ngãi quy định khuôn khổ về quyền hưởng thu nhập đối với các đối tượng hưởng lợi và nghĩa vụ bắt buộc của hộ gia đình cũng như cá nhân nhận, thuê hay nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh (tháng 5/2004)

Khung chính sách hỗ trợ các mức đền bù thỏa đáng cho cả phần đầu tư, công lao động và thu nhập tổn thất về sau này nhằm đảm bảo khả năng tạo thu nhập được khôi phục.

### 8.6.2 Khung thể chế

HĐĐKĐĐ xã và Tổ công tác hỗ trợ thực hiện GĐLNCSTG. Trách nhiệm tương ứng của các đơn vị này được trình bày trong Tài liệu hướng dẫn thực hiện GĐLNCSTG, ĐGTĐMT&XH và KHQLMT&XH. Trách nhiệm đối với việc thực hiện Khung chính sách tái định cư, Kiểm kê và Kế hoạch hành động tái định cư như sau:

- Sở Tài nguyên – Môi trường (Sở TN&MT) có trách nhiệm chung đối với việc buộc thi hành Khung chính sách này và rà soát lại trong trường hợp có thay đổi mang tính pháp lý liên quan đến đất đai, chính sách thu hồi đất và các sắp xếp/mức đền bù.
- Tổ công tác chịu trách nhiệm xác định các vấn đề tiềm ẩn về thu hồi đất, tái định cư và báo cáo thông tin cho HĐĐKĐĐ xã. Tổ công tác lập các Bản kiểm kê cho KH tái định cư một phần hay KH tái định cư toàn phần và gửi cho HĐĐKĐĐ xã.
- HĐĐKĐĐ xã chịu trách nhiệm hoàn chỉnh KH tái định cư một phần hay KH tái định cư toàn phần, thanh toán đền bù cũng như các hạn định khác về ổn định cuộc sống đối với Đối tượng bị ảnh hưởng bởi dự án (PAP). HĐĐKĐĐ xã cần phải thảo luận và thu xếp mọi KH tái định cư một phần hay RAP một cách minh bạch và cởi mở với sự tham gia của PAP cũng như các hộ có liên quan khác.
- UBND huyện chịu trách nhiệm phê duyệt các tờ trình về đền bù và chuyển cho HĐĐKĐĐ xã thực thi. UBND huyện cũng cung cấp kinh phí bổ sung cho đền bù nếu như khả năng hỗ trợ kinh phí đền bù của xã bị cạn kiệt.
- Tất cả các cấp hành chính chịu trách nhiệm về vấn đề khiếu nại và đền bù được quy định trong Khung chính sách.

### 8.7 Chính sách về hạn định

Các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dự án được gắn với các loại hình đền bù và ổn định cuộc sống liên quan đến tổn thất về đất nông nghiệp, cây trồng và thu nhập như sau:

- Đền bù đối với tổn thất về đất nông nghiệp thông qua việc đưa ra các sắp xếp ‘đất lấy đất’ với khả năng sinh lợi ngang với đất bị tổn thất và thỏa mãn các đối tượng bị ảnh hưởng này.
- Đền bù đối với tổn thất mùa màng hiện đang canh tác, cây ăn quả và cây công nghiệp đang trồng theo mức giá cả thị trường. Những cây sinh lợi sẽ được đền bù với các chi phí thay thế.

### 8.8 Sự tham gia của người dân

Các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dự án sẽ tham gia xuyên suốt các giai đoạn lập kế hoạch cũng như thực hiện KH hành động tái định cư một phần hay toàn phần. Các đối tượng này sẽ được thông báo về các điều khoản trong Khung chính sách tại các cuộc họp thôn được tổ chức trong quá trình thực hiện GĐLNCSTG. Từng hộ là đối tượng bị ảnh hưởng sẽ được Tổ công tác và HĐĐKĐĐ xã thông tin đầy đủ về các hạn định cùng với phương án

lựa chọn ổn định cuộc sống trong KH tái định cư một phần hay KH hành động tái định cư. Từng hộ là đối tượng bị ảnh hưởng sẽ ký vào giấy chấp thuận sau khi nhận đền bù.

## **8.9 Sắp xếp thực hiện**

### **8.9.1 Lịch trình thực hiện**

Một lịch trình thực hiện chi tiết các hoạt động khác nhau sẽ tiến hành được đưa vào từng KH hành động tái định cư.

### **8.9.2 Khiếu nại và kiện cáo**

Khiếu nại cũng như kiện cáo liên quan đến bất kỳ khía cạnh nào của KH hành động tái định cư sẽ được xử lý như sau:

- Các đối tượng bị ảnh hưởng sẽ trình bày khiếu nại hay kiện cáo lên HĐĐKĐĐ xã. HĐĐKĐĐ xã sẽ có trả lời bằng văn bản trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại.
- Các đối tượng này có thể trình bày trường hợp của mình lên Phòng tư pháp huyện nếu như không thỏa mãn với văn bản trả lời của HĐĐKĐĐ xã.
- Quyết định của Phòng tư pháp và UBND huyện sẽ được gửi bằng văn bản đến đối tượng và HĐĐKĐĐ xã trong vòng 15 ngày.
- Nếu như đối tượng vẫn không thỏa mãn với trả lời của HĐĐKĐĐ xã và UBND huyện, có thể trình lên Tòa án huyện xem xét.

### **8.9.3 Giám sát, theo dõi và đánh giá**

Tổ công tác với sự phối hợp cùng HĐĐKĐĐ xã sẽ thường xuyên giám sát, theo dõi việc thực hiện Kiểm kê và KH hành động tái định cư. Công tác theo dõi liên tục và đánh giá KH hành động tái định cư sẽ do Phòng tài nguyên-môi trường của huyện tiến hành.

## **8.10 Chi phí và Ngân sách**

Từng KH hành động tái định cư sẽ bao gồm chi phí đền bù chi tiết, các hạn định ổn định cuộc sống khác và di chuyển các đối tượng bị ảnh hưởng. Dự toán chi phí sẽ thực hiện các điều khoản dự phòng thỏa đáng. Lịch trình đền bù được thể hiện với các nguồn kinh phí lược nêu. Đất đền bù sẽ lấy từ quỹ đất của xã. Đền bù bằng tiền mặt đối với cây cối, mùa màng, tổn thất về thu nhập và hỗ trợ ổn định cuộc sống sẽ lấy từ UBND huyện.

## 9 Các Chiến lược Quản lý Rủi ro

### 9.1 Tổng quát

Các rủi ro xã hội, thể chế, môi trường gắn với GĐLNCSTG liên quan mật thiết với nhau. Do vậy, việc quản lý các rủi ro liên quan đòi hỏi tinh, huyện, xã phải hiểu sâu và nhận dạng được những rủi ro này cùng với các phương pháp theo dõi, quản lý. Một chiến lược quản lý rủi ro tổng thể hướng vào quản lý và ngăn chặn các tình huống rủi ro môi trường xã hội và thể chế xảy ra sẽ bao gồm:

- Kết hợp ĐGTĐMT&XH, Đánh giá rủi ro và các Khung Quản lý vào các hoạt động tập huấn GĐLNCSTG trước khi thực hiện GĐLNCSTG ở xã và huyện. Điều này làm gia tăng năng lực thành viên Tổ công tác trong việc nhận biết, theo dõi và quản lý rủi ro trong suốt thời gian thực hiện. Đây là điều quan trọng liên quan đến các rủi ro xã hội cần thiết phải theo dõi và quản lý một cách hiệu quả trong suốt thời gian thực hiện GĐLNCSTG để tối đa hóa lợi ích cho đối tượng hộ nghèo, phụ nữ, và người dân tộc thiểu số.
- Mọi quan hệ làm việc gắn bó giữa RUDEP, Sở TN&MT, các Sở ngành cấp tỉnh, Ban chỉ đạo GĐLNCSTG huyện và Tổ công tác là yếu tố thiết yếu đối với tính bền vững thể chế và ý thức sở hữu đối với GĐLNCSTG. Bên cạnh đó, mối quan hệ làm việc gắn gũi giữa các phòng ban liên quan sẽ làm tăng hiệu quả của GĐLNCSTG và phòng tránh các vấn đề phát sinh từ những quy định mới về lâm nghiệp hoặc sử dụng đất lâm nghiệp cũng như những thay đổi về vai trò, trách nhiệm của các Phòng ban/Cơ quan.
- Các hoạt động hỗ trợ cần phải được xác định và thực hiện sau khi GĐLNCSTG được tiến hành. Đây là yếu tố then chốt trong quản lý các rủi ro môi trường và xã hội. Sự tham gia của Chi cục Kiểm lâm và BQL rừng trong GĐLNCSTG sẽ đặt nền móng cho việc thực hiện các hoạt động QLRDVCD để đẩy mạnh sự quản lý và bảo vệ rừng cộng đồng. Các hoạt động trồng trọt, và khuyến nông/khuyến lâm, và các hoạt động hướng đến việc cung ứng và thị trường sẽ được phát triển cùng với các nông hộ, UBND xã, và các Trạm Khuyến nông. Điều này sẽ nhìn nhận việc giới thiệu tập huấn lâm nghiệp với các thử nghiệm hệ thống nông-lâm và khả năng hình thành các vườn ươm cây lâm nghiệp cấp thôn/xã.
- Phát triển công nghệ là cần thiết để thúc đẩy các hệ thống canh tác bền vững miền núi và làm giảm nhẹ các tác động môi trường có thể có. Nghiên cứu thêm về các hệ thống canh tác bền vững miền núi là cần có để hỗ trợ cho việc sử dụng đất lâm nghiệp bền vững hơn. RUDEP đang hỗ trợ các hoạt động như vậy tại các xã của chương trình với quan điểm rằng các kỹ thuật và hoạt động thành công có thể được điều chỉnh và áp dụng cho các xã khác. Trường Đại học Nông lâm Huế và Trung tâm Khuyến nông tỉnh Quảng Ngãi hiện đang làm việc với RUDEP để khởi xướng các hoạt động này và nâng cao năng lực tỉnh, huyện để đẩy mạnh những kỹ thuật này.
- Tín dụng rất quan trọng đối với các nông hộ được giao đất, đặc biệt là hộ nghèo để đầu tư vào đất lâm nghiệp và ngăn chặn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị thu hồi. Các Quỹ TK&TD của RUDEP sẽ cung cấp một nguồn tín dụng cho nông hộ đầu tư vào lâm nghiệp với điều kiện là họ phải có một nguồn thu nhập khác sẵn có để hỗ trợ hoàn trả vốn vay. Tuy nhiên, các Quỹ TK&TD của RUDEP sẽ không đáp ứng được nhu cầu tín dụng của nông hộ một cách đầy đủ. Các nguồn tín dụng khác sẽ được tiếp tục tìm kiếm với các cơ hội nảy sinh qua việc Ngân hàng chính sách xã hội (NHCSXH) đang hoạt động ở nhiều huyện và xã miền núi.

Kỳ hạn vay vốn NHCSXH dài hơn so với các Quỹ TK&TD của RUDEP và có thể cung cấp một nguồn tín dụng thích hợp hơn cho nông hộ mà không cần một hoạt động tạo thu nhập nào khác để hoàn trả vốn vay RUDEP. Những cuộc thảo luận giữa RUDEP và NHCSXH vẫn đang tiếp tục diễn ra cùng với sự hỗ trợ cho NHCSXH được xem là một nguồn thay thế cho Quỹ TK&TD.

Xác định và nâng cao nhận thức thành viên Ban chỉ đạo GĐLNCSTG huyện và Tổ công tác về các rủi ro xã hội, môi trường và bền vững thể chế gắn với GĐLNCSTG là bước thiết yếu đầu tiên trong theo dõi, quản lý và làm giảm nhẹ các tình huống rủi ro xảy ra. Khởi xướng như vậy sẽ thúc đẩy cách tiếp cận làm việc hướng đến đối tượng là người nghèo – là cách tiếp cận tối đa hoá sự tham gia của các hộ gia đình và cơ bản tạo nên mức lợi cao cho nông hộ.

## 9.2 Chiến lược Quản lý Rủi ro Xã hội

Chiến lược quản lý rủi ro xã hội đối với GĐLNCSTG đòi hỏi phải có một kế hoạch nêu bật các tiến trình, trách nhiệm và thời gian trước, trong và sau khi GĐLNCSTG được tiến hành để quản lý những rủi ro môi trường và xã hội đã xác định. Thực hiện một chiến lược như vậy đòi hỏi phải qua 3 giai đoạn:

- Trước và trong khi thực hiện GĐLNCSTG
- Sau GĐLNCSTG liên quan đến việc giám sát tăng cường (đặc biệt là trong năm đầu tiên sau khi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được giao cho nông hộ).
- Sau GĐLNCSTG liên quan đến việc giám sát dài hạn

Hợp phần xã hội trong Kế hoạch Chiến lược Quản lý Rủi ro ĐGTĐMT&XH nêu rõ rằng hầu hết các rủi ro xã hội gắn với GĐLNCSTG sẽ được theo dõi và quản lý trong suốt GĐLNCSTG (SR1, SR2 và SR3); SR4 (các hộ nghèo bán đất lâm nghiệp được giao) là một rủi ro xã hội đòi hỏi phải có sự theo dõi dài hạn của Cán bộ Địa chính xã và huyện. Những rủi ro bền vững thể chế (ISR1, ISR3, ISR8 và ISR7) cũng sẽ cần theo dõi và quản lý trong suốt thời gian thực hiện GĐLNCSTG. Những rủi ro này cần phải được quản lý để đảm bảo các bên liên quan cấp tỉnh và huyện tham gia đầy đủ vào GĐLNCSTG, ngân sách hỗ trợ GĐLNCSTG (và cấp giấy chứng nhận) được đảm bảo, các Lâm trường quốc doanh và BQL rừng ủng hộ việc giao đất lâm nghiệp cho các hộ gia đình và kinh phí phân bổ cho GĐLNCSTG được sử dụng cho mục đích dự tính của họ.

SR2 và SR3 là các tình huống rủi ro cao gắn với việc thực hiện GĐLNCSTG. Công tác quản lý và ngăn ngừa các tình huống này xảy ra sẽ được đưa vào tập huấn Tổ công tác để theo dõi, nhận dạng, và quản lý các tình huống rủi ro như vậy trong suốt thời gian thực hiện. Mặc dù khả năng xảy ra của SR2 thấp, thế nhưng, hệ quả của các tình huống như vậy là nghiêm trọng. Chủ động hướng mục tiêu vào các hộ nghèo và phụ nữ sẽ cần phải được Tổ công tác GĐLNCSTG và UBND xã khuyến khích và bắt buộc trong quá trình thực hiện. Danh sách xếp hạng giàu nghèo và danh sách Sở LĐ, TB&XH sẽ được sử dụng để kiểm tra đối chiếu mức độ đăng ký nhận đất của hộ nghèo trước khi bất kỳ tài liệu đăng ký nhận đất nào được trình lên UBND huyện phê duyệt. Các cuộc họp riêng với hộ nghèo sẽ được tổ chức để tích cực khuyến khích và gia tăng mức hộ nghèo đăng ký và được cấp giấy chứng nhận.

Các Nghị định liên quan mà hỗ trợ việc phân loại lại đất chưa sử dụng hoặc đất hiện đang được dùng cho sản xuất nông nghiệp như thể là “đất nông nghiệp” hiện có<sup>23</sup> và có thể làm giảm nhẹ rủi ro tiềm ẩn về vấn đề bất an toàn lương thực và thu nhập hộ gia đình bị giảm sút xảy ra qua việc phân loại đất này sang đất rừng sản xuất kèm theo các hướng dẫn sử dụng chặt chẽ. GĐLNCSTG được thực hiện với sự tham gia của các hộ dân trong các cuộc họp QHSDĐLN, được thực hiện trước để lập và tìm hiểu về những diện đất hiện thời cùng với công tác sử dụng đất. Với việc thừa nhận tầm quan trọng của đất nông nghiệp đối với sự an toàn lương thực và thu nhập, nó cần được lưu ý trong những cuộc họp này và các hoạt động PRA xác định đất hiện đang được sử dụng cho sản xuất nông nghiệp. Những cuộc khảo sát thực địa cần phải được Tổ công tác GĐLNCSTG tiến hành cùng với hộ dân để rà soát các loại đất cùng với công tác sử dụng hiện thời và đánh giá những hàm ý về xã hội và môi trường của việc chuyển đổi đất hiện đang được sử dụng cho nông nghiệp sang đất sản xuất lâm nghiệp.

SR4 nêu bật rủi ro tiềm ẩn các hộ dân bán đất sau khi nhận giấy chứng nhận. Mặc dù chỉ có khả năng xảy ra trong một số trường hợp cá biệt, hệ quả của việc bán đất như thế sẽ ở mức độ trung bình, với việc đất lâm nghiệp sẽ bị những hộ khá giả hơn tích lũy. Việc tự ý bán đất có thể xảy ra vì một số lý do. Tuy nhiên, vấn đề có thể xảy ra nếu hộ dân bị ép hoặc bắt buộc bán đất. Đây là vấn đề đặc biệt đối với các hộ dân tộc thiểu số và người nghèo. Cần chú ý giải thích và bảo đảm các hộ dân nhận thức được quyền và nghĩa vụ bằng tiếng địa phương nhằm tạo nên nhiều cơ hội hơn cho nông hộ nghèo tham gia vào các chương trình phát triển lâm nghiệp (ví dụ chương trình 661). Các mức độ bán đất quá thể sẽ bị cán bộ UBND xã và UBND huyện điều tra và ngăn chặn trong trường hợp các thủ thuật mua đất xâm phạm quyền của hộ dân và vi phạm các quy định trong Luật đất đai sửa đổi 2004.

### 9.3 Chiến lược Quản lý Rủi ro Thể chế

Chiến lược quản lý rủi ro thể chế đối với GĐLNCSTG đòi hỏi phải có một kế hoạch nêu bật các tiến trình, trách nhiệm và thời gian trước, trong và sau khi GĐLNCSTG được tiến hành để quản lý những rủi ro môi trường và xã hội đã được xác định. Thực hiện một chiến lược như vậy đòi hỏi phải qua 3 giai đoạn:

- Trước và trong thời gian thực hiện GĐLNCSTG;
- Sau GĐLNCSTG liên quan đến việc giám sát tăng cường (đặc biệt là trong năm đầu tiên sau khi giấy chứng nhận sử dụng đất được giao cho hộ gia đình);
- Sau GĐLNCSTG liên quan đến theo dõi dài hạn.

Tính sẵn có và cam kết tài trợ của tỉnh để nhân rộng GĐLNCSTG ra toàn tỉnh Quảng Ngãi đã được xác định là rủi ro cao nhất (ISR3 và ISR6). Mặc dầu mục tiêu đầy tham vọng của tỉnh là giao tất cả đất lâm nghiệp sẵn có cho hộ gia đình, kinh phí sẽ là một yếu tố quyết định then chốt về việc có đạt được mục tiêu đó hay không. Việc quản lý rủi ro này đòi hỏi có sự cộng tác chặt chẽ giữa RUDEP với các Sở ngành liên quan (như Sở TN&MT) và các thành viên Ban chỉ đạo GĐLNCSTG huyện. Đánh giá toàn diện sẽ được tiến hành sau khi kết thúc thực hiện GĐLNCSTG. Nội dung được kết hợp vào đánh giá này sẽ là đánh giá ngân sách tỉnh theo dự kiến cần cho việc mở rộng GĐLNCSTG, bao gồm hoạch định đầu tư và chi phí thường kỳ.

<sup>23</sup> Luật Đất đai sửa đổi (181/2004/ND/CP). 29/10/2004.

Quản lý kém kinh phí phân bổ cho GĐLNCSTG được xem là rủi ro cao nhất (ISR7). Mức độ tham nhũng ở Quảng Ngãi nói riêng và Việt Nam nói chung là đáng kể. Rõ ràng là nếu sự cam kết của tỉnh đối với GĐLNCSTG được hỗ trợ thông qua sự hỗ trợ lớn về tài chính, việc quản lý không hiệu quả kinh phí này sẽ gia tăng về khả năng xảy ra. Thành lập các Ban chỉ đạo đa ngành và Tổ công tác GĐLNCSTG sẽ góp phần ngăn chặn việc quản lý kém kinh phí như vậy xảy ra. Thông tin về kinh phí phân bổ cho GĐLNCSTG sẽ là thông tin công khai, sẵn có cho các hộ dân và được thông báo tại các cuộc họp thôn cùng với báo cáo về chi tiêu thực tế được niêm yết trong xã. Việc chủ động như vậy là phù hợp với Nghị định dân chủ cơ sở của Chính phủ Việt Nam và các biện pháp gia tăng trách nhiệm giải trình đang được Nhà nước đẩy mạnh.

Những thay đổi về vai trò và trách nhiệm ban ngành là không thể tránh khỏi trong nền kinh tế phân cấp và cơ cấu lại của Việt Nam. Rất có thể những thay đổi trong vai trò và trách nhiệm của các phòng ban cơ quan liên quan đến GĐLNCSTG cũng sẽ thay đổi. Có thể là những Nghị định và Quyết định mới liên quan đến lâm nghiệp và cơ cấu sử dụng đất lâm nghiệp sẽ được phê duyệt và thực hiện. Một số vấn đề được kỳ vọng thì những thay đổi về vai trò và trách nhiệm của các cơ quan liên quan là quan trọng (ISR4 và ISR5). Việc quản lý những thay đổi này cùng các rủi ro liên quan được thúc đẩy thông qua việc thiết lập các Ban chỉ đạo GĐLNCSTG huyện và Tổ công tác GĐLNCSTG liên ngành. Cá nhân thuộc các đơn vị nằm trong Ban chỉ đạo và Tổ công tác được vạch rõ vai trò và trách nhiệm; từng vai trò này được giao cho từng thành viên là sự thể hiện các Nghị định và Quyết định mới cũng như mọi thay đổi về vai trò và trách nhiệm trong bối cảnh GĐLNCSTG.

Vai trò mà các Lâm trường quốc doanh (LTQD) và BQL rừng sẽ thể hiện trong GĐLNCSTG là then chốt trong việc quyết định một cách cơ bản lượng đất lâm nghiệp giao cho hộ gia đình. Phần lớn lượng đất lâm nghiệp sẽ giao cho LTQD và BQL rừng do đó làm hạn chế lượng đất sẽ giao cho hộ gia đình sẽ là một rủi ro không chắc sẽ xảy ra mặc dù nghiêm trọng về mặt hệ quả (ISR8). Các BQL rừng hiện đang hoạt động ở từng huyện trong tỉnh Quảng Ngãi, một số huyện nơi mà lượng đất rừng tự nhiên rộng lớn thì ở đó có hơn một BQL rừng (ví dụ huyện Sơn Tây). Mỗi BQL rừng chịu trách nhiệm một tiểu khu đất rừng phòng hộ (đất xung yếu đầu nguồn); mỗi tiểu khu bao gồm tối thiểu 5.000 hecta. Những BQL rừng này ở một số huyện có các LTQD hoạt động dưới quyền của họ có thể giao đất cho hộ gia đình theo hợp đồng giao khoán để bảo vệ, trồng cây gây rừng và quản lý – chứ không thông qua giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ('Sổ đỏ'). Sự tham gia của BQL rừng vào thực hiện GĐLNCSTG cùng với Tổ công tác GĐLNCSTG huyện sẽ rất quan trọng trong việc đảm bảo các hộ dân (và các nhóm hộ) có thể tiếp cận được đất lâm nghiệp và tái sinh rừng.

#### **9.4 Chiến lược quản lý rủi ro môi trường**

Phần lớn các vấn đề liên quan đến GĐLNCSTG sẽ thực sự xảy ra và đòi hỏi có sự quản lý trong quá trình thực hiện và các giai đoạn hoạt động (giả định rằng đã có quyết định xúc tiến GĐLNCSTG trong một khu vực cụ thể). Tuy nhiên, những vấn đề này đã được xác định trong suốt các giai đoạn lập kế hoạch và thiết kế trong đánh giá môi trường thúc đẩy hình thành các biện pháp giảm nhẹ. Chỉ có một ngoại lệ đối với việc này là liệu có quyết định đưa ra không cho xúc tiến GĐLNCSTG ở một khu vực nhất định hay không (trong trường hợp không xảy ra có thể có nhiều hệ quả).

Quy trình đánh giá môi trường trong CNQLMT của chương trình cho phép RUDEP dự kiến được các vấn đề thực sự xảy ra (như vào giai đoạn lập kế hoạch và thiết kế để ngăn

xây ra). Việc quản lý các tác động và vấn đề đã được xác định sẽ liên quan đến một loạt các kỹ thuật quản lý, tài liệu hướng dẫn và hỗ trợ sau khi GĐLNCSTG được tiến hành. Những vấn đề sau được bao gồm:

- Thiết lập các mối liên kết giữa hộ gia đình, UBND xã, và Hạt Kiểm lâm huyện, Trạm khuyến nông. Thực hiện những hoạt động này sẽ thúc đẩy đầu tư của hộ gia đình vào sản xuất lâm nghiệp bền vững, lành mạnh đối với môi trường và sự tham gia của cộng đồng vào bảo vệ rừng tự nhiên.
  - Các hoạt động Quản lý lâm nghiệp dựa vào cộng đồng (QLLNDVCD) để hình thành các quy định đối với cộng đồng về bảo vệ và quản lý lâm nghiệp, kết hợp sản xuất với các biện pháp quản lý hạn chế tác động đến môi trường liên quan đến các rủi ro được xác định thông qua ĐGTĐMT&XH.
  - Hỗ trợ kỹ thuật và khuyến khích quản lý trồng rừng (kết hợp với phát triển kỹ thuật nông lâm/lâm nghiệp và các mô hình thử nghiệm) và các hỗ trợ theo định hướng cung cấp và thị trường (như thiết lập các vườn ươm cấp thôn hoặc xã hay phân tích và sản xuất các sản phẩm lâm nghiệp phi gỗ).
  - Hướng dẫn nông hộ tiếp cận tín dụng được cơ cấu phục vụ cho các hoạt động đầu tư vào lâm nghiệp (ví dụ: Ngân hàng chính sách xã hội, Ngân hàng NN&PTNT, Chương trình 661, ...).
  - Phát triển kỹ thuật thích hợp để bảo vệ cơ sở nguồn tài nguyên theo cách thức bền vững, kết hợp sản xuất hoa màu và lâm nghiệp trước khi xuất hiện độ che phủ.
  - CNQLMT của RUDEP bao gồm các hướng dẫn quản lý môi trường.
  - Thông tin hướng dẫn hàm chứa trong Tài liệu hướng dẫn bảo vệ môi trường đối với quản lý rừng trồng - Phụ lục 2 trong ĐGTĐMT của DAPTLN và Tóm tắt Đánh giá Tác động cùng Kế hoạch Theo dõi (ĐGTĐMT của DAPTLN), Tầm nhìn bền vững Victoria/Đại học Quốc gia Việt Nam, Chính phủ Việt Nam, tháng 8 năm 2003).
  - Các quy chế đề ra trong luật Đất đai của chính phủ VN (2001) và Luật Bảo vệ và Phát triển rừng (1991).
  - Nghiên cứu Lĩnh vực môi trường của RUDEP 2002 đối với hướng dẫn các vấn đề về tỉ lệ sử dụng phân bón và thuốc trừ sâu phù hợp...
-

## 9.5 Kế hoạch Hành động Quản lý Rủi ro Xã hội

**Bảng 6: Kế hoạch Hành động Quản lý Rủi ro Xã hội trong GĐLNCSTG**

Mã số rủi ro	Tình huống rủi ro	Chiến lược quản lý	Trách nhiệm	Thời gian
SR1	Số lượng các hộ gia đình nghèo, phụ nữ, và người dân tộc thiểu số tham dự Cuộc họp thôn về QHSDD và giao đất lâm nghiệp thấp	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các chiến lược nâng cao nhận thức được thực hiện trước khi họp thôn về QHSDD&amp;GĐLN</li> <li>UBND xã và Tổ công tác đảm bảo &gt;80% hộ gia đình và &gt;40% phụ nữ tham gia vào Cuộc họp thôn về QHSDD&amp;GĐLN</li> <li>Các hộ gia đình không tham gia họp thôn về QHSDD&amp;GĐLN được mời đến cuộc họp bất thường với UBND xã và Tổ công tác</li> <li>UBND tỉnh, Sở TN&amp;MT hậu thuẫn trọng tâm hướng đến hộ nghèo thông qua phê duyệt Tài liệu Hướng dẫn về GĐLNCSTG, trong các cuộc họp tỉnh và trên các phương tiện truyền thông đại chúng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Bảng xếp hạng giàu nghèo và cơ sở dữ liệu của Sở LDTB&amp;XH được UBND xã và Tổ công tác sử dụng để kiểm tra đối chiếu và đảm bảo các hộ nghèo tham gia vào cuộc họp thôn về QHSDD&amp;GĐLN</li> </ul>	Trong GĐLNCSTG (họp thôn)
SR3	Đất hiện đang được sử dụng cho trồng trọt hỗ trợ thu nhập hộ gia đình và an toàn lương thực bị chuyển đổi sang đất sản xuất lâm nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tổ công tác xác định đất dốc (10-20°) và thảo luận với các hộ gia đình về tác động đối với an toàn lương thực bằng cách sử dụng các công cụ PRA</li> <li>Tổ công tác cùng làm việc cùng với các hộ gia đình khi tiến hành đo vẽ bản đồ thực địa để xác định đất dốc hoặc đất chưa sử dụng hiện đang được dùng cho trồng trọt hay cho nông nghiệp, là loại đất cần được chuyển đổi sang đất nông nghiệp (để duy trì an toàn lương thực và thu nhập)</li> <li>Tổ công tác và UBND xã trình bản QHSDD&amp;GĐLN lên UBND huyện phê duyệt cùng với bảng phân loại đất (kể cả đất nông nghiệp).</li> <li>Phát triển và mở rộng kỹ thuật canh tác nông nghiệp trên đất dốc có thể sinh lợi.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Áp dụng các Quyết định của Nhà nước và của tỉnh liên quan đến phân loại đất lâm nghiệp và cơ cấu sử dụng đất</li> <li>UBND huyện kiểm tra và phê duyệt QHSDD&amp;GĐLN cấp xã.</li> </ul>	Trong GĐLNCSTG (Khảo sát về sử dụng đất và đo vẽ bản đồ)
SR2	Các hộ nghèo, phụ nữ, và người dân tộc thiểu số không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	<ul style="list-style-type: none"> <li>QHSDD&amp;GĐLN có sự tham gia và xác định các lô/thửa đất lâm nghiệp hộ gia đình được thực hiện trong thôn cùng với tất cả các hộ dân.</li> <li>UBND xã và Tổ công tác mời những hộ nghèo không đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến họp để tìm hiểu mối quan tâm của họ và xác định các lý do không đăng ký.</li> <li>Lập danh sách các hộ gia đình được xác định đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp.</li> <li>Cả tên chồng và tên vợ đều được ghi vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Bảng phân loại hộ trong xã và danh sách hộ gia đình của Sở LDTB&amp;XH sẽ được UBND xã và Tổ công tác dùng để kiểm tra đối chiếu với danh sách đăng ký.</li> </ul>	Trong GĐLNCSTG (Đăng ký sở hữu đất của hộ gia đình)

Mã số rủi ro	Tình huống rủi ro	Chiến lược quản lý	Trách nhiệm	Thời gian
SR4	Các hộ gia đình được giao đất lâm nghiệp sẽ bán đất cho các hộ giàu để có thu nhập trước mắt.	<ul style="list-style-type: none"> <li>• UBND xã và UBND huyện được thông báo về các hộ bán đất và sẽ đưa ra quyết định đồng ý hay từ chối việc bán đất và chuyển nhượng quyền sử dụng.</li> <li>• Tài liệu kỹ thuật và áp phích sẽ được cấp cho Xã, Thôn, và các nông hộ nhằm thông báo về các quyền và nghĩa vụ của họ.</li> <li>• Hỗ trợ các hoạt động lâm nghiệp, khuyến lâm, và tạo thu nhập được thực hiện sau quy trình GĐLNCSTG nhằm giúp người dân gia tăng thu nhập và giảm áp lực bán đất</li> <li>• Các nguồn tín dụng phù hợp hỗ trợ cho sự phát triển kỹ thuật nông nghiệp trên đất dốc và phát triển lâm nghiệp cho các hộ gia đình được cấp đất.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Các cán bộ địa chính xã và huyện theo dõi việc bán đất và chuyển nhượng quyền sở hữu đất và điều tra tính hiệu lực của những chuyển nhượng đó.</li> <li>• Các cán bộ địa chính xã nằm trong Tô công tác GDLNCSTG sẽ hỗ trợ liên tục và tư vấn cho các hộ sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.</li> <li>• QHSDĐLN được huyện phê duyệt và xác định các hoạt động hỗ trợ cùng nguồn tài trợ.</li> </ul>	Sau GĐLNCSTG (Theo dõi dài hạn)
SR5	Việc thu hồi hay thay đổi giấy chứng nhận sử dụng đất hộ hiện có, đất thừa kế hoặc các diện tích hoa lợi dựa trên sự mặc định được giảm thiểu và là tình huống hiếm xảy ra	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Các hộ có giấy chứng nhận sở hữu đất bị thu hồi hay quyền sử dụng đất lâm nghiệp thừa kế bị mất đi được giảm thiểu và thực hiện theo thể thức công khai, minh bạch.</li> <li>• Mọi đối tượng bị ảnh hưởng bởi dự án (PAP) được xác định trong và sau khi thực hiện GĐLNCSTG được quyền nhận đủ các phương pháp ổn định cuộc sống</li> <li>• KH hành động ổn định cuộc sống được xây dựng và thiết kế, lập KH, tham vấn và thực hiện một cách hiệu quả</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• KH tái định cư một phần và KH hành động tái định cư do Tô công tác và Hội đồng đăng ký đất đai xã xây dựng hàm chứa bảng kiểm kê và hạn định đền bù</li> <li>• Hội đồng đăng ký đất đai xã theo dõi việc thực hiện KH tái định cư một phần và KH hành động tái định cư</li> </ul>	Trong GĐLNCSTG Sau GĐLNCSTG (Theo dõi dài hạn)

## 9.6 Kế hoạch hành động quản lý rủi ro thể chế

**Bảng 7: Kế hoạch Hành động Quản lý Rủi ro Thể chế trong GĐLNCSTG**

Mã số rủi ro	Tình huống rủi ro	Chiến lược quản lý	Trách nhiệm	Thời gian
ISR1	Các bên tham gia tỉnh và huyện có liên quan đến QHSDD&GĐLN không tham gia đầy đủ	<ul style="list-style-type: none"> <li>UBND tỉnh giao cho các Sở ngành và huyện thực hiện GĐLNCSTG và vạch ra vai trò, nhiệm vụ của mỗi thành viên/cơ quan</li> <li>UBND huyện bổ nhiệm các cá nhân vào Ban chỉ đạo GĐLNCSTG huyện và vạch ra vai trò, nhiệm vụ của mỗi thành viên/cơ quan</li> <li>UBND huyện phê duyệt các cá nhân vào Tổ công tác và vạch ra vai trò, nhiệm vụ của mỗi thành viên/cơ quan</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các Sở ngành và cơ quan tỉnh và huyện chuẩn y các cá nhân được bổ nhiệm vào Ban chỉ đạo GĐLNCSTG huyện và cho phép họ tham gia vào các cuộc họp cũng như hoạt động có liên quan.</li> <li>Các cuộc họp được tổ chức hàng quý và mức độ tham gia cuộc họp sẽ được ghi lại.</li> </ul>	Trong GĐLNCSTG (Thành lập và sắp xếp về mặt hành chính)
ISR3	Ngân sách tỉnh và huyện không sẵn có để tài trợ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Phê duyệt Tài liệu Hướng dẫn GĐLNCSTG và kinh phí của chính quyền cho việc cấp giấy chứng nhận giao đất lâm nghiệp được đưa vào KH năm của tỉnh, huyện.</li> <li>Vấn đề thiếu hụt ngân sách tiềm ẩn phải được báo cáo ngay cho các Sở TN&amp;MT, Ban chỉ đạo GĐLNCSTG huyện, UBND huyện, UBND tỉnh giải quyết và yêu cầu kinh phí hỗ trợ phần đóng góp của chính phủ VN vào việc cấp giấy chứng nhận sử dụng đất cho dân.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tổ công tác xem xét các yêu cầu về ngân sách khi KHGĐLN xã đã được lập.</li> </ul>	Trong GĐLNCSTG
ISR8	Các Lâm trường quốc doanh (thuộc các Ban quản lý rừng) được giao một lượng lớn đất lâm nghiệp trong GĐLNCSTG hoặc từ chối giao đất lâm nghiệp cho các hộ dân	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các Ban quản lý rừng cấp huyện tham gia vào Ban chỉ đạo GĐLNCSTG và Tổ công tác</li> <li>Các Ban quản lý rừng cấp huyện tham gia vào các hoạt động tập huấn và nhận thức được các Quyết định của nhà nước và của tỉnh về giao đất lâm nghiệp cho các hộ gia đình</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sở NN&amp;PTNT và Chi cục Phát triển Lâm nghiệp thông báo đến các Ban quản lý rừng cấp huyện và các Lâm trường quốc doanh bằng văn bản chính thức về quy trình GĐLNCSTG, sự tham gia trong Ban chỉ đạo GĐLNCSTG cấp huyện và Tổ công tác, các ưu tiên giao đất lâm nghiệp cho hộ gia đình</li> </ul>	Trong GĐLNCSTG (Hộ gia đình đăng ký nhận đất)

Mã số rủi ro	Tình huống rủi ro	Chiến lược quản lý	Trách nhiệm	Thời gian
ISR7	Kinh phí phân bổ cho GĐLNCSTG bị quản lý kém, sử dụng không đúng mục đích, hoặc phân bổ cho các hoạt động khác	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sở TN&amp;MT và Ban chỉ đạo GĐLNCSTG huyện lập tờ trình xin kinh phí, yêu cầu ngân sách, và phổ biến đến các Phòng ban và cơ quan liên quan.</li> <li>Sở TN&amp;MT, Ban chỉ đạo GĐLNCSTG huyện báo cáo thực chi lên UBND tỉnh, UBND huyện để quyết toán</li> <li>Các khoản chi theo đề xuất và thực chi được thông báo đến UBND xã, các hộ dân và sẵn có tại UBND xã</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>UBND tỉnh và UBND huyện phê duyệt các tờ trình xin kinh phí theo như định mức chi phí và các hoạt động đề xuất</li> <li>UBND tỉnh và huyện phê duyệt khoản chi thực tế và quyết toán theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các hoạt động được tiến hành.</li> <li>Khoản chi đề xuất và thực chi sẵn có và được niêm yết tại UBND xã để các hộ dân nắm rõ.</li> </ul>	Trong GĐLNCSTG (Cấp giấy chứng nhận)
ISR2	Năng lực đủ của cấp tỉnh và huyện để thực hiện, duy trì, và nhân rộng GĐLNCSTG không được nâng cao	<ul style="list-style-type: none"> <li>UBND tỉnh chỉ thị UBND huyện và các cơ quan cấp tỉnh để cho các cán bộ tập huấn thuộc đơn vị mình tham gia vào các hoạt động nâng cao năng lực</li> <li>Nhu cầu nâng cao năng lực và đào tạo/tập huấn hỗ trợ việc nhân rộng GĐLNCSTG do Sở TN&amp;MT và Ban chỉ đạo GĐLNCSTG huyện xác định và được hỗ trợ thông qua phân tích nhu cầu đào tạo/tập huấn và các hoạt động nâng cao năng lực</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các khoá đào tạo/tập huấn và nâng cao năng lực được theo dõi theo kế hoạch đã thống nhất.</li> <li>Đánh giá năng lực trước và sau tập huấn được tiến hành.</li> </ul>	Sau GĐLNCSTG (Sau tập huấn và Tổng kết GĐLNCSTG)
ISR6	Các chi phí thường kỳ liên quan đến GĐLNCSTG là quá cao để tỉnh có thể nhân rộng	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sở TN&amp;MT và Ban chỉ đạo GĐLNCSTG huyện rà soát việc thực hiện GĐLNCSTG, đánh giá các định mức chi phí và ngân sách cần cho việc nhân rộng ra các xã khác</li> <li>Các chi phí thường kỳ liên quan đến GĐLNCSTG được đánh giá trong Tổng kết và KH ngân sách hằng năm.</li> <li>Tài liệu hướng dẫn GĐLNCSTG sửa đổi được Sở TN&amp;MT, Ban chỉ đạo GĐLNCSTG huyện soạn thảo cùng với các yêu cầu về kinh phí cho tỉnh áp dụng được lược nêu và đệ trình lên UBND tỉnh thẩm định và phê duyệt</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Phần ngân sách tỉnh đóng góp vào GĐLNCSTG và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp được theo dõi và báo cáo.</li> <li>Các cuộc họp tổng kết được tổ chức để xác định các yêu cầu về kinh phí và nguồn kinh phí cho việc nhân rộng GĐLNCSTG</li> </ul>	Sau GĐLNCSTG (Họp tổng kết để quyết định khả năng về kinh phí thường kỳ để nhân rộng GĐLNCSTG sang các xã khác)

Mã số rủi ro	Tình huống rủi ro	Chiến lược quản lý	Trách nhiệm	Thời gian
ISR4	Phân loại đất lâm nghiệp, cơ cấu sử dụng, quyền lợi và trách nhiệm của các hộ thay đổi theo các Nghị định và Quyết định mới	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các cá nhân/thành viên cơ quan thuộc các Sở ngành của tỉnh và Ban chỉ đạo GĐLNCSTG huyện chịu trách nhiệm phổ biến các quyết định mới để giải thích và đánh giá tác động.</li> <li>Hàm ý của các Quyết định, Nghị định mới được các Sở ngành và Ban chỉ đạo GĐLNCSTG huyện trình bày và các đề xuất đưa ra để thông báo cho các hộ dân.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các Sở ngành của tỉnh theo dõi tin tức về các Nghị định, Quyết định mới và báo cáo tại mỗi cuộc họp.</li> </ul>	Sau GĐLNCSTG (Theo dõi dài hạn)
ISR5	Vai trò của các cơ quan tham gia vào thực hiện GĐLNCSTG và Ban chỉ đạo GĐLNCSTG huyện thay đổi, ảnh hưởng đến việc thực hiện và nhân rộng	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cá nhân/thành viên cơ quan thuộc các Sở ngành của tỉnh và Ban chỉ đạo GĐLNCSTG huyện, thành viên Tổ công tác chịu trách nhiệm phổ biến các Quyết định, Nghị định mới dẫn đến sự thay đổi về vai trò và trách nhiệm của các thành viên.</li> <li>Những hàm ý của các Quyết định, Nghị định mới được các Sở ngành của tỉnh, Ban chỉ đạo GĐLNCSTG huyện và thành viên Tổ công tác thảo luận và Tài liệu hướng dẫn GĐLNCSTG được điều chỉnh</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các Sở ngành của tỉnh theo dõi tin tức về các Nghị định, Quyết định mới và báo cáo tại cuộc họp thường kỳ.</li> </ul>	Sau GĐLNCSTG (Theo dõi dài hạn)

## 9.7 Kế hoạch Hành động Quản lý Rủi ro Môi trường

**Bảng 8: Kế hoạch Hành động Quản lý Rủi ro Môi trường đối với GĐLNCSTG**

Mã số rủi ro	Tình huống rủi ro	Chiến lược quản lý	Trách nhiệm	Thời gian
ER1	GĐLNCSTG được thực hiện ở một xã hoặc huyện không phù hợp  Quyết định của RUDEP không triển khai GĐLNCSTG vào một địa phương, mà đưa đến “Đất lâm nghiệp” bị bỏ không được trồng cây gây rừng. Tiềm ẩn về xói mòn và thoái hóa	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thực hiện đánh giá sơ bộ tài nguyên rừng và các rủi ro môi trường liên quan đến triển khai GĐLNCSTG ở xã/ huyện.</li> <li>Xác định khả năng (mức sử dụng an toàn một mảnh đất) và tính thích hợp của đất (tính thích hợp của một mảnh đất cho công tác sử dụng nào đó)</li> <li>Chính sách RUDEP, hướng dẫn quản lý môi trường, CNQLMT của chương trình và các thông tin hướng dẫn khác được áp dụng nhằm đảm bảo đáp ứng các nghĩa vụ của RUDEP đối với Cơ quan Phát triển quốc tế Úc/CP VN</li> <li>ĐGTĐMT&amp;XH và KHQLMT&amp;XH được chỉnh sửa và cập nhật để phản ánh điều kiện và các nguồn lực địa phương</li> <li>Hướng dẫn bảo vệ môi trường đối với Quản lý trồng rừng - Phụ lục 2 trong ĐGTĐMT của DAPTLN và Tóm tắt KH theo dõi và quản lý tác động, Tầm nhìn bền vững Victoria /Đại học quốc gia Việt Nam, chính phủ VN, tháng 8/2003</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sở TN&amp;MT và UBND xã đánh giá tài nguyên rừng và các rủi ro môi trường tiềm ẩn và đưa ra các khuyến nghị cho UBND tỉnh và UBND huyện có nên xúc tiến không</li> <li>Sở TN&amp;MT và UBND xã đánh giá khả năng, tính thích hợp của đất và thông báo cho UBND tỉnh và UBND huyện</li> <li>Sở TN&amp;MT điều chỉnh và cập nhật ĐGTĐMT&amp;XH và KHQLMT để phản ánh các điều kiện và các nguồn lực địa phương</li> </ul>	Trước GĐLNCSTG (Giai đoạn thiết kế và lập kế hoạch)
ER2	Các hộ nghèo không thể đầu tư vào tái tạo rừng hoặc các hoạt động lâm nghiệp dẫn đến việc cải thiện sử dụng đất thấp, hoặc các hoạt động không bền vững	<ul style="list-style-type: none"> <li>Áp dụng các Hướng dẫn bảo vệ rừng đối với Quản lý trồng rừng (Phụ lục 2 – ĐGTĐMT&amp;XH của DAPTLN)</li> <li>QHSDĐLN cấp xã và các hoạt động lâm nghiệp hỗ trợ trọng tâm hộ nghèo được UBND huyện phê duyệt.</li> <li>6 tháng sau khi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được chuyển cho các hộ, UBND xã tiến hành khảo sát thực địa để khảo sát tình hình sử dụng đất và sự đầu tư vào các hoạt động lâm nghiệp</li> <li>Ban chỉ đạo GĐLNCSTG huyện lập tờ trình xin hỗ trợ tín dụng và kinh phí cho hộ gia đình đầu tư vào lâm nghiệp.</li> <li>Cán bộ kiểm lâm xã theo dõi tình hình sử dụng và quản lý đất của các hộ gia đình</li> <li>Cán bộ kiểm lâm xã báo cáo cho UBND xã và Chi cục kiểm lâm về những hoạt động không lành mạnh đối với môi trường để tìm hướng giải quyết</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>QHSDĐLN cấp xã và các hoạt động lâm nghiệp hỗ trợ trọng tâm hộ nghèo được UBND huyện phê duyệt.</li> <li>6 tháng sau khi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được chuyển cho các hộ, UBND xã tiến hành khảo sát thực địa để khảo sát tình hình sử dụng đất và sự đầu tư vào các hoạt động lâm nghiệp</li> <li>Ban chỉ đạo GĐLNCSTG huyện lập tờ trình xin hỗ trợ tín dụng và kinh phí cho hộ gia đình đầu tư vào lâm nghiệp</li> </ul>	Sau GĐLNCSTG (Theo dõi tăng cường <1 năm sau GĐLNCSTG)

Mã số rủi ro	Tình huống rủi ro	Chiến lược quản lý	Trách nhiệm	Thời gian
ER3	Các hộ dân không sử dụng đất lâm nghiệp theo Quy hoạch tổng thể sử dụng đất lâm nghiệp huyện và xã & KHSDDLN xã	<ul style="list-style-type: none"> <li>Việc theo dõi về tình hình sử dụng và quản lý đất được UBND xã thực hiện 6 tháng một lần và báo cáo lên UBND huyện và Chi cục Kiểm lâm</li> <li>Chi cục Kiểm lâm theo dõi việc bám sát các kế hoạch quản lý rừng cộng đồng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Việc theo dõi về tình hình sử dụng và quản lý đất được UBND xã thực hiện 6 tháng một lần và báo cáo lên UBND huyện, Chi cục Kiểm lâm</li> <li>Chi cục Kiểm lâm theo dõi việc bám sát các kế hoạch quản lý rừng cộng đồng.</li> </ul>	Sau GĐLNCSTG (Theo dõi tăng cường <1 năm sau GĐLNCSTG; theo dõi dài hạn)
ER4	Các chủng loại cây không phù hợp được dùng để trồng hoặc tái tạo rừng và các vấn đề về thoái hóa đất và tổn thất môi trường sống liên quan	<ul style="list-style-type: none"> <li>UBND huyện phê duyệt KHSDDLN cấp xã và phổ biến đến các đối tác tỉnh và huyện có liên quan.</li> <li>Cán bộ địa chính xã theo dõi tình hình sử dụng đất theo đúng Kế hoạch sử dụng đất cấp xã</li> <li>Áp dụng các hướng dẫn bảo vệ môi trường về Quản lý trồng rừng (Phụ lục 2 – ĐGTĐMT&amp;XH của DAPTLN)</li> <li>Các quy tắc được lập trong Luật đất đai của Chính phủ VN (2001) và Luật bảo vệ và phát triển rừng (1991)</li> <li>Các biện pháp trong Hướng dẫn quản lý môi trường 5 thuộc CNQLMT của chương trình</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>UBND xã và Chi cục Kiểm lâm tiến hành theo dõi các chủng loại cây được sử dụng trong trồng rừng và tái trồng rừng theo đúng Các hướng dẫn bảo vệ môi trường về Quản lý trồng rừng (Phụ lục 2 – ĐGTĐMT của DAPTLN Ngân hàng Thế Giới)</li> <li>UBND xã và Chi cục Kiểm lâm báo cáo cho UBND huyện về các chủng loại cây trồng không thích hợp cho việc trồng rừng và tái tạo rừng</li> </ul>	Sau GĐLNCSTG (Theo dõi tăng cường <1 năm sau GĐLNCSTG; theo dõi dài hạn)
ER5	Kế hoạch sử dụng đất LN được lập ra nhưng các hộ dân bị áp lực phải chuyển đổi đất sang sản xuất nông nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> <li>UBND xã &amp; huyện phê duyệt QHSDDLN và thông báo đến các đối tác có liên quan về nội dung, phân loại đất và cơ cấu sử dụng đất</li> <li>Chi cục Kiểm lâm làm việc với UBND xã để tiến hành Quản lý rừng dựa vào cộng đồng và báo cáo những thay đổi về sử dụng đất lên các cơ quan cấp trên.</li> <li>QHSDDLN và các quyền, nghĩa vụ của dân được niêm yết tại những nơi dễ nhìn thấy trong xã</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>UBND huyện phê duyệt KHSDDLN cấp xã và phổ biến đến các đối tác tỉnh và huyện có liên quan.</li> <li>Cán bộ địa chính xã theo dõi tình hình sử dụng đất theo đúng với Kế hoạch sử dụng đất LN cấp xã</li> </ul>	Sau GĐLNCSTG (theo dõi dài hạn sau GĐLNCSTG)
ER6	Hoạt động không phù hợp gây ảnh hưởng đến vùng đệm quanh khu vực che phủ rừng đã được tái thiết gây thiệt hại hệ sinh thái và mùa màng do động vật địa phương phát sinh từ tái tạo rừng	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hỗ trợ các phương kế sinh sống khác trong vùng đệm nhằm giảm tác động lên những khu vực được bảo vệ</li> <li>Xác định rõ các hoạt động thích hợp trong vùng đệm</li> <li>Lập các biện pháp kiểm soát thu hoạch và kiểm soát săn bắn động bộ trong vùng đệm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>UBND huyện phê duyệt KHSDDLN xã cùng với các hoạt động vùng đệm thích hợp.</li> <li>Cán bộ kiểm lâm xã báo cáo các hoạt động không phù hợp làm ảnh hưởng đến vùng đệm lên UBND xã và Chi cục Kiểm lâm giải quyết</li> </ul>	Sau GĐLNCSTG (Theo dõi tăng cường <1 năm sau GĐLNCSTG; theo dõi dài hạn)

Mã số rủi ro	Tình huống rủi ro	Chiến lược quản lý	Trách nhiệm	Thời gian
ER7	Mở đường mòn, cầu, đường mới hay mở rộng đường mòn, cầu, đường hiện thời đưa đến sự phá hủy hệ thực vật, thiệt hại môi trường sống, tạo môi trường cho dịch bệnh phát sinh, cô lập cộng đồng cây trồng và vật nuôi, tạo cơ hội cho các hoạt động phá hủy bất hợp pháp.	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Chọn lựa các mối liên kết và địa điểm để tránh các vùng có hệ thực vật rừng không bị xâm nhập hoặc những vùng có giá trị môi trường được biết đến và để tránh sự phá vỡ các dòng chảy. Tư vấn cộng đồng tránh những khu vực này.</li> <li>• Tư vấn với cộng đồng để xác định loại dịch bệnh phổ biến ở các cộng đồng kề nhau.</li> <li>• Đưa ra phương pháp bảo vệ an toàn cho công nhân trong giai đoạn xây dựng. Giới hạn số ngày, thời gian xây dựng.</li> <li>• Theo phần 3 hướng dẫn quản lý môi trường trong CNQLMT của chương trình</li> <li>• Dựa vào Các hướng dẫn bảo vệ môi trường về Quản lý trồng rừng - Phụ lục 2 – ĐGTĐMT của DAPTLN để bảo vệ phòng chống dịch bệnh lan rộng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• UBND huyện chỉ phê duyệt các dự án CSHT xã được đệ trình cùng với bản ĐGTĐMT và KHQLMT&amp;XH</li> </ul>	Sau GĐLNCSTG (theo dõi dài hạn)
ER8	Việc phát quang khu vực rừng tự nhiên để sử dụng cho việc trồng rừng sản xuất đưa đến môi trường sống có giá trị bị thiệt hại/phá hủy và giảm độ bao phủ đất/rủi ro xói mòn tăng cao	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tránh các vùng có hệ thực vật rừng không bị xâm nhập hoặc những vùng có giá trị môi trường được biết đến và đề nghị các vùng thay thế</li> <li>• Liên lạc với cộng đồng địa phương và Sở TN&amp;MT để xác định các khu vực nhạy cảm được cộng đồng đánh giá và tránh xâm phạm đến các khu vực rừng hoặc diện tích có tầm quan trọng đối với môi trường thông qua việc thiết lập một hoạt động nông nghiệp mới hoặc sử dụng đất mới (<i>Phần 2.4 Nghiên cứu lĩnh vực về môi trường</i>)</li> <li>• Tham vấn với các quan chức Việt Nam để bảo đảm các khu vực sắp bị chặt phá không được bảo vệ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Cán bộ kiểm lâm xã theo dõi việc thiết lập khu trồng rừng sản xuất và việc bảo vệ rừng tự nhiên; báo cáo mọi sự tàn phá lên Chi cục Kiểm lâm, UBND xã để có giải pháp ngay lập tức</li> <li>• Các quy tắc cộng đồng về bảo vệ rừng tự nhiên được dân, UBND xã, cán bộ kiểm lâm xã, và Chi cục Kiểm lâm theo dõi</li> </ul>	Sau GĐLNCSTG (theo dõi dài hạn)
ER9	Phát quang hệ thực vật tự nhiên trước khi thiết lập rừng	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Làm đường đê đất đồng mức trên đồi dốc và sử dụng thực vật bị chặt phá làm lớp bồi để giảm xói mòn và khuyến khích tái tăng trưởng. Chặt phá trong mùa khô.</li> <li>• Áp dụng các hướng dẫn bảo vệ môi trường về Quản lý trồng rừng (Phụ lục 2 – ĐGTĐMT của DAPTLN)</li> <li>• Phổ biến các chương trình khuyến lâm và các hướng dẫn thiết lập trồng rừng đến các nông hộ và UBND xã</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Các hướng dẫn bảo vệ môi trường về Quản lý trồng rừng (Phụ lục 2 – ĐGTĐMT của DAPTLN Ngân hàng Thế giới) được Trung tâm Khuyến nông tỉnh sử dụng như một cơ sở chuẩn bị cho chương trình khuyến lâm</li> <li>• Các bản hướng dẫn và chương trình khuyến lâm do Trung tâm Khuyến nông tỉnh thực hiện được phổ biến đến các nông hộ và UBND xã</li> </ul>	Sau GĐLNCSTG (theo dõi tăng cường <1 năm sau GĐLNCSTG; theo dõi dài hạn sau GĐLNCSTG)

Mã số rủi ro	Tình huống rủi ro	Chiến lược quản lý	Trách nhiệm	Thời gian
ER10	Việc sử dụng phân bón và thuốc trừ sâu quá mức để thúc đẩy sự tăng trưởng rừng trồng đưa đến các tác động về đất đai gồm độ axit, độ cứng, và dưỡng chất phân bón thoát trôi ra sông	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đưa ra lời khuyên về tỉ lệ áp dụng thích hợp theo đúng chương trình IPM</li> <li>Tham khảo Bảng 21 &amp; 22 trong phần Nghiên cứu lĩnh vực về môi trường và Phần 2 về hướng dẫn áp dụng tỉ lệ thích hợp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các hướng dẫn bảo vệ môi trường về Quản lý trồng rừng (Phụ lục 2 – ĐGTĐMT của DAPTLN Ngân hàng Thế giới) được Trung tâm Khuyến nông tỉnh sử dụng như một cơ sở chuẩn bị cho chương trình khuyến lâm</li> <li>Tài liệu hướng dẫn và chương trình khuyến lâm do Trung tâm Khuyến nông tỉnh thực hiện được phổ biến đến các nông hộ và UBND xã</li> </ul>	Sau GĐLNCSTG (theo dõi tăng cường <1 năm sau GĐLNCSTG; theo dõi dài hạn sau GĐLNCSTG)
ER11	Sự khai thác quá mức lâm sản phôi gỗ (LSPG) làm cạn kiệt quần thể thực vật và động vật tự nhiên	<ul style="list-style-type: none"> <li>Theo đúng với các hướng dẫn bảo vệ môi trường về Quản lý trồng rừng (Phụ lục 2 – ĐGTĐMT của DAPTLN)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cán bộ kiểm lâm xã theo dõi mức độ khai thác LSPG và báo cáo sự khai thác quá mức lên CCKL và UBND xã để có giải pháp</li> <li>RUDEP, Cơ quan khuyến nông tỉnh và CCKL phổ biến các hướng dẫn về khai thác LSPG đến các hộ dân và UBND xã</li> </ul>	Sau GĐLNCSTG (theo dõi dài hạn sau GĐLNCSTG)
ER12	Việc quản lý lâm nghiệp yếu kém dẫn đến thiệt hại hệ sinh thái, bao gồm sự tăng trưởng bị cản trở, bệnh phát sinh, các vấn đề về kiểm dịch thực vật trong rừng và sự đa dạng sinh vật bị giảm xuống	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các hành động phù hợp theo đúng luật áp dụng và các hành động được trình bày trong ĐGTĐMT DAPTLN và CNQLMT RUDEP, bao gồm những nội dung liên quan đến kiểm soát xói mòn, quản lý hỏa hoạn, lây lan dịch bệnh</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cán bộ kiểm lâm xã theo dõi các hành động quản lý lâm nghiệp và báo cáo các hành động quản lý yếu kém lên CCKL và UBND xã để có giải pháp</li> <li>RUDEP, Trung tâm khuyến nông tỉnh và CCKL phổ biến các hướng dẫn về lâm nghiệp đến các hộ dân, UBND xã</li> </ul>	Sau GĐLNCSTG (theo dõi tăng cường <1 năm sau GĐLNCSTG; theo dõi dài hạn sau GĐLNCSTG)
ER13	Cháy rừng do các hành động quản lý lâm nghiệp yếu kém	<ul style="list-style-type: none"> <li>Các hành động phù hợp theo đúng luật áp dụng và các hành động được trình bày trong ĐGTĐMT DAPTLN và CNQLMT RUDEP, bao gồm những nội dung liên quan đến kiểm soát xói mòn, quản lý hỏa hoạn, lây lan dịch bệnh</li> <li>Các chiến lược phòng chống, quản lý, và kiểm soát hỏa hoạn được bàn luận, xác định, và thống nhất tại các cuộc họp thôn QHSDĐLN</li> <li>Theo dõi mức độ rủi ro hỏa hoạn và phổ biến mức độ rủi ro đến các nông hộ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>CCKL theo dõi các mức độ rủi ro hỏa hoạn và dán các mức độ nguy cơ hỏa hoạn ở những nơi dễ thấy trong xã</li> <li>Cán bộ kiểm lâm xã và Chi cục Kiểm lâm theo dõi các chiến lược phòng chống, quản lý, kiểm soát cháy và báo cáo các hoạt động không tuân thủ lên UBND xã và huyện giải quyết</li> </ul>	Sau GĐLNCSTG (theo dõi dài hạn sau GĐLNCSTG)

Mã số rủi ro	Tình huống rủi ro	Chiến lược quản lý	Trách nhiệm	Thời gian
ER14	Các phương pháp khai thác và thu hoạch lâm nghiệp không phù hợp được áp dụng gây thiệt hại rừng	<ul style="list-style-type: none"> <li>Theo đúng các hướng dẫn bảo vệ môi trường về Quản lý trồng rừng - Phụ lục 2 – ĐGTĐMT của DAPTLN để bảo vệ phòng chống bệnh lan rộng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sở NN&amp;PTNT phê duyệt các hướng dẫn, các chương trình khuyến nông về phương pháp, hoạt động thu hoạch và phổ biến thông tin này đến các nông hộ và UBND xã</li> <li>Các Nghị định của nhà nước liên quan đến các phương pháp, số lượng và hoạt động thu hoạch được CCKL phổ biến đến các hộ gia đình và UBND xã</li> <li>Các hướng dẫn vận chuyển và chế biến được CCKL phê duyệt và phổ biến đến các hộ gia đình, UBND xã, và các công ty, xí nghiệp chế biến.</li> </ul>	Sau GĐLNCSTG (theo dõi dài hạn sau GĐLNCSTG)
ER15	Việc dự trữ, làm khô, cưa, đóng kiện, xử lý gỗ gây lãng phí và ô nhiễm hoá chất đối với môi trường	<ul style="list-style-type: none"> <li>Theo đúng các hướng dẫn bảo vệ môi trường về Quản lý trồng rừng - Phụ lục 2 – ĐGTĐMT của DAPTLN để đảm bảo cách chặt, lưu trữ, và xử lý gỗ đúng</li> <li>Trong trường hợp nghi ngờ ô nhiễm đất, tham khảo phương pháp đánh giá địa điểm bị ô nhiễm được thể hiện trong Báo cáo Chuyên gia Môi trường tháng 10 năm 2004</li> <li>Tham khảo ý kiến Chuyên gia Môi trường để có thêm thiết kế chương trình mẫu chi tiết trong trường hợp thực sự bị ô nhiễm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sở TN&amp;MT và Sở NN&amp;PTNT phê duyệt Hướng dẫn, các chương trình khuyến nông về hoạt động lưu trữ, cưa, đóng kiện, làm khô, xử lý; phổ biến thông tin này đến các hộ dân, UBND xã, xí nghiệp, công ty chế biến</li> <li>Các Nghị định nhà nước liên quan đến hoạt động lưu trữ, cưa, đóng kiện, làm khô, và xử lý được Sở TN&amp;MT và CCKL phổ biến đến các hộ dân, UBND xã, công ty, xí nghiệp chế biến</li> </ul>	Sau GĐLNCSTG (theo dõi dài hạn sau GĐLNCSTG)
ER16	Các hoạt động không phù hợp trong xây dựng/vận hành & duy tu đường, đường mòn, cầu, bao gồm việc cất giữ vật liệu xây dựng gây bụi bặm bay vào các thụ quan nhạy cảm; các mỏ đất nằm ở vị trí không phù hợp; quản lý chất thải kém; đổ tháo nhiên liệu, gieo rắc qua các động cơ xây dựng và tính ổn định độ dốc thấp	<ul style="list-style-type: none"> <li>Bảo đảm cát, xi măng, nhiên liệu được chứa/dậy và không để thoát và chảy xuống sông; chất thải được phân hủy đúng cách, và các mỏ đất nằm trên khu đất dốc thoải. Quản lý theo Hướng dẫn quản lý môi trường 3</li> <li>Duy tu đường và làm ổn định các bên đường theo kết cấu hoặc sử dụng thực vật.</li> <li>Kế hoạch vận hành và duy tu được đưa vào và phê duyệt phải ứng với ĐGTĐMT&amp;XH và các Hướng dẫn quản lý môi trường trong CNQLMT.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>UBND huyện chỉ phê duyệt các dự án cơ sở hạ tầng xã được đệ trình cùng với ĐGTĐMT và KHQLMT&amp;XH</li> <li>UNND xã theo dõi việc tuân thủ ĐGTĐMT và KHQLMT&amp;XH của nhà thầu và báo cáo việc không tuân thủ lên cho UBND huyện để giải quyết</li> </ul>	Sau GĐLNCSTG (theo dõi dài hạn sau GĐLNCSTG)

## 10 Kết luận

ĐGTĐMT&XH đã xác định được tổng số 28 rủi ro liên quan đến GĐLNCSTG trong đó 4 rủi ro xã hội; 8 rủi ro thể chế; và 16 rủi ro môi trường. Các Khung đánh giá rủi ro xã hội, thể chế và môi trường cho thấy rằng:

- Ba (03) Rủi ro Môi trường (quản lý lâm nghiệp yếu kém dẫn đến thiệt hại hệ sinh thái, cháy rừng do quản lý lâm nghiệp yếu kém và phương pháp khai thác, thu hoạch lâm nghiệp không phù hợp) được xem là “cao nhất” về mức độ rủi ro. Khả năng xảy ra và hệ quả khi các rủi ro này xảy ra được dựa trên các hoạt động lâm nghiệp (rừng) và hoạt động khai thác thường được áp dụng ở tỉnh Quảng Ngãi.
- Kinh phí của tỉnh sẵn có để nhân rộng GĐLNCSTG ra toàn tỉnh cũng được xem là một rủi ro “cao nhất”. Rủi ro này được nhận định là cao nhất vì các nguồn kinh phí của tỉnh có thể không đủ trang trải cho các khoản thường kỳ và tài trợ cho việc ứng dụng GĐLNCSTG.
- Sự phân phối không công bằng đất lâm nghiệp, việc loại trừ các hộ nghèo, phụ nữ, và người dân tộc thiểu số và sự phân loại đất hiện đang sử dụng cho nông nghiệp sang đất sản xuất lâm nghiệp (hệ quả là gây ảnh hưởng đến an toàn lương thực và thu nhập) là những Rủi ro Xã hội đáng kể nhất.
- Mười (10) rủi ro Xã hội, Thể chế, và Môi trường đã xác định được xem là nghiêm trọng về mức độ rủi ro (2 Rủi ro xã hội; 3 Rủi ro Thể chế; 6 Rủi ro Môi trường). Mặc dù khả năng xảy ra những tình huống rủi ro này là có thể hoặc không thể, hệ quả khi những tình huống này xảy ra là trung bình hoặc nghiêm trọng.

Các kế hoạch Quản lý Xã hội, Thể chế, và Môi trường được lập ra để làm giảm nhẹ và quản lý khả năng xảy ra cũng như hệ quả các rủi ro được xác định trong ĐGTĐMT&XH nếu xảy ra. Các Khung và KH quản lý rủi ro cho thấy:

- Rủi ro Xã hội liên quan đến sự thiếu công bằng trong giao đất lâm nghiệp phần lớn sẽ do Tổ Công tác và UBND xã quản lý và theo dõi trong thời gian thực hiện GĐLNCSTG. Việc bảo đảm rằng các hộ nghèo, phụ nữ, và người dân tộc thiểu số giữ lại giấy chứng nhận đòi hỏi có sự theo dõi dài hạn của Cán bộ Địa chính Xã và Huyện sau khi GĐLNCSTG kết thúc.
- UBND Tỉnh và Huyện sẽ cần phải theo dõi sự liên quan và tham gia của các Phòng ban, cơ quan, cá nhân có liên quan vào các hoạt động GĐLNCSTG (ví dụ tập huấn và nâng cao năng lực) và các đơn vị thực hiện (như Ban chỉ đạo GĐLNCSTG và Tổ Công tác) để góp phần vào tính bền vững thể chế của GĐLNCSTG. Vai trò, trách nhiệm của cá nhân đại diện phòng ban và cơ quan sẽ được UBND tỉnh, huyện giao và phê duyệt.
- Phần lớn các vấn đề về môi trường liên quan đến GĐLNCSTG sẽ thực sự xảy ra và đòi hỏi có sự quản lý trong suốt giai đoạn thực hiện và hoạt động (giả định là có quyết cho phép xúc tiến GĐLNCSTG ở một khu vực cụ thể). Tuy nhiên, các vấn đề này đã được xác định trong giai đoạn lập kế hoạch và thiết kế đánh giá môi trường thúc đẩy thiết lập các biện pháp giảm nhẹ.

- UBND huyện, UBND xã, và Ban chỉ đạo GĐLNCSTG sẽ chịu trách nhiệm theo dõi dài hạn các hoạt động sử dụng đất sau khi giao. Chi cục Kiểm lâm và Hạt Kiểm lâm sẽ chịu trách nhiệm theo dõi quản lý và bảo vệ đất lâm nghiệp cùng với nông hộ thông qua các hướng dẫn và hoạt động QLRDVCD. Việc giới thiệu QLRDVCD sẽ góp phần quan trọng trong hỗ trợ đưa vào những hoạt động sản xuất, bảo vệ và quản lý rừng – là các hoạt động làm giảm nhẹ những vấn đề môi trường tiềm ẩn được xác định trong ĐGTĐMT&XH.

Kết quả của KHQLMT&XH sẽ được kết hợp vào các hoạt động tập huấn GĐLNCSTG trong thời gian tới và được phổ biến đến các cơ quan có liên quan thực hiện.

### **Các hạn định**

URS Australia Pty Ltd (URS) soạn thảo báo cáo này để phục vụ cho Chương trình Phát triển nông thôn Quảng Ngãi của AusAID với một sự cẩn trọng và kỹ lưỡng của ngành tư vấn chuyên môn. Nội dung báo cáo này dựa trên những thông lệ và tiêu chuẩn được chấp nhận rộng rãi tại thời điểm nó được soạn thảo. Ngoài ra, không có một đặc quyền nào khác, dù là thành văn hoặc ẩn ý, được dẫn chiếu làm cơ sở cho nội dung cố vấn chuyên môn được bao hàm trong báo cáo này. Tài liệu báo cáo này được soạn thảo theo đúng lĩnh vực công việc và mục đích đã được hệ thống trong Văn kiện Thiết kế Chương trình.

Hệ phương pháp và các nguồn thông tin được vận dụng và sử dụng bởi URS sẽ được liệt kê trong báo cáo này. URS không thực hiện một sự kiểm chứng độc lập nào đối với những thông tin này ngoài phạm vi các công việc đã được chuẩn y và URS không chịu trách nhiệm về bất kỳ sự thiếu chuẩn xác hoặc sự bị bỏ sót nào trong các nguồn thông tin. Trong quá trình nghiên cứu tìm hiểu, người viết không tìm thấy một dấu hiệu nào cho thấy thông tin được cung cấp cho URS sử dụng trong báo cáo này là không đúng thực tế.

Báo cáo này được thực hiện trong thời gian Tháng 3 và 4/ 2005 và dựa trên các điều kiện, thông tin được xem xét tại thời điểm soạn thảo này. URS khước từ mọi trách nhiệm về bất kỳ những sự thay đổi nào có thể phát sinh sau thời điểm này.

Báo cáo này phải được đọc một cách đầy đủ. Người viết không chịu trách nhiệm về bất kỳ sự vận dụng từng phần nào trong báo cáo này vào một bối cảnh khác biệt nào đó hoặc phục vụ cho một mục đích nào khác hoặc dùng bởi những bên thứ ba. Báo cáo này không có ý định đưa ra sự cố vấn về pháp lý. Cố vấn pháp lý chỉ có thể cung cấp bởi những bên hành nghề pháp lý chuyên môn.

---